

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM
LỚP 8**

Môn : LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

CÀ MAU, NĂM 2023

I. MA TRẬN ĐỀ

1. Theo mức độ nhận thức: Nhận biết: 40%; thông hiểu: 30%; vận dụng: 30%.

2. Tổng số câu hỏi: 330

TT	Nội dung kiến thức (theo Chương/bài/chủ đề)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Tổng số câu
1	Bài 1. Các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ.	10	9	8	27
2	Bài 2. Cách mạng công nghiệp.	6	5	5	16
3	Bài 3. Tình hình Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX.	6	6	5	17
4	Bài 4. Xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn.	10	7	8	25
5	Bài 5. Quá trình khai phá vùng đất phía Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	9	5	3	17
6	Bài 6. Kinh tế, văn hóa và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI- XVIII	8	6	5	19
7	Bài 7. Khởi nghĩa nông dân Đàng ngoài TK XVIII	3	3	4	10
8	Bài 8. Phong trào Tây Sơn	8	6	5	19
9	Bài 9. Các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc	5	3	3	11
10	Bài 10. Công xã Pa-ri (năm 1981)	3	2	2	7
11	Bài 11. Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Mác	7	6	5	18
12	Bài 12. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918)	4	3	3	10
13	Bài 13. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917	4	4	3	11
14	Bài 14. Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX	4	3	3	10
15	Bài 15. Trung Quốc	5	3	3	11
16	Bài 16. Nhật Bản	4	3	3	10
17	Bài 17. Ấn Độ	4	3	3	10
18	Bài 18. Đông Nam Á	4	3	3	10
19	Bài 19. Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX	6	5	4	15
20	Bài 20. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884)	8	6	6	20
21	Bài 21. Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX	4	3	3	10
22	Bài 22. Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX	4	3	4	11
23	Bài 23. Việt Nam đầu thế kỉ XX	6	5	5	16
Tổng		132	102	96	330

II. CÂU HỎI VÀ PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI

1. Các cuộc cách mạng tư sản ở châu Âu và Bắc Mỹ. (Số câu 27)

a) Nhận biết (10 câu)

Câu 1. Đầu thế kỉ XVII, mâu thuẫn mới xuất hiện ở Anh là mâu thuẫn

- A. giữa tư sản, quý tộc mới với chế độ quân chủ chuyên chế.
- B. giữa nông dân với địa chủ quý tộc.
- C. giữa tư sản với chế độ phong kiến.
- D. giữa nhân dân lao động với vua Sác-lơ I.

- Câu 2.** Lực lượng lãnh đạo Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII là
- A. liên minh giữa quý tộc mới và tư sản.
 - B. giai cấp tư sản.
 - C. tầng lớp quý tộc mới.
 - D. liên minh giữa giai cấp tư sản và nông dân.
- Câu 3.** Đến đầu thế kỉ XVIII, thực dân Anh đã
- A. thành lập 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ.
 - B. công nhận độc lập cho 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ.
 - C. xâm chiếm được 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ.
 - D. tiến hành khai thác 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ.
- Câu 4.** Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự bùng nổ cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ là gì?
- A. Nhân dân cảng Bôx-tơn tấn công ba tàu chở chè của Anh.
 - B. Vua Anh không chấp nhận các yêu cầu của nhân dân các thuộc địa.
 - C. Mâu thuẫn giữa chính quốc và các thuộc địa ngày càng gay gắt.
 - D. Chính phủ Anh cho phép công ty Đông Ấn độc quyền buôn bán chè.
- Câu 5.** Cuối thế kỉ XVIII, Pháp vẫn là nước
- A. nông nghiệp lạc hậu.
 - B. có nền công nghiệp phát triển hơn cả Anh.
 - C. có nền thương nghiệp dẫn đầu thế giới.
 - D. có nền công – nông và thương nghiệp kém phát triển.
- Câu 6.** Trước khi Cách mạng tư sản Pháp bùng nổ, ở Pháp tồn tại các đẳng cấp nào sau đây?
- A. Quý tộc, tăng lữ và đẳng cấp thứ ba.
 - B. Quý tộc và tư sản.
 - C. Quý tộc, tăng lữ và tư sản.
 - D. Quý tộc, tăng lữ và nông dân.
- Câu 7.** Giai cấp nào trong xã hội Pháp có tiềm lực kinh tế nhưng không có địa vị chính trị tương xứng?
- A. Tư sản.
 - B. Thương nhân.
 - C. Thị dân.
 - D. Nông dân.
- Câu 8.** Quân chúng tấn công chiếm pháo đài – nhà tù Ba-xti (14/7/1789) là sự kiện
- A. mở đầu Cách mạng tư sản Pháp.
 - B. mở đầu Cách mạng tư sản Anh.
 - C. mở đầu Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ.
 - D. Cách mạng lật đổ chế độ phong kiến thành lập nền cộng hòa đầu tiên.
- Câu 9.** Khi nước Anh trở thành nước cộng hòa, mọi quyền hành thuộc về
- A. quý tộc mới và tư sản.
 - B. giai cấp tư sản.
 - C. tầng lớp quý tộc mới.
 - D. giai cấp tư sản, nông dân và binh lính.
- Câu 10.** Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ thực chất là một cuộc cách mạng tư sản diễn ra dưới hình thức
- A. giải phóng dân tộc.
 - B. chống ngoại xâm.
 - C. nội chiến.
 - D. vừa giải phóng dân tộc vừa nội chiến.

b) Thông hiểu (09 câu)

Câu 1. Nguyên nhân trực tiếp nào làm bùng nổ Cách mạng tư sản Anh vào thế kỉ XVII?

- A. Vua Anh triệu tập Quốc hội để tăng thuế.
- B. Vua Anh yêu cầu giải tán Quốc hội.
- C. Vua Anh tuyên chiến với Quốc hội.
- D. Vua Anh chuẩn bị lực lượng chống lại Quốc hội.

Câu 2. Việc xác lập chế độ quân chủ lập hiến ở Anh là

- A. kết quả cuối cùng của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII.
- B. đỉnh cao của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII.
- C. bước thắng lợi của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII.
- D. mục đích của của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII.

Câu 3. Tầng lớp có quyền lợi chính trị gắn với quý tộc phong kiến, nhưng lại có quyền lợi kinh tế gắn liền với giai cấp tư sản. Đó là

- A. đặc điểm của tầng lớp quý tộc mới ở Anh.
- B. nguồn gốc quý tộc phong kiến ở Anh.
- C. bản chất của tầng lớp quý tộc mới và giai cấp tư sản ở Anh.
- D. đặc điểm của địa chủ phong kiến ở Anh.

Câu 4. Sự phát triển kinh tế theo con đường tư bản chủ nghĩa của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đã

- A. làm sâu sắc hơn mâu thuẫn giữa các thuộc địa với chính quốc.
- B. làm tăng thêm sự cạnh tranh giữa các thuộc địa và chính quốc.
- C. thúc đẩy cuộc đấu tranh của nhân dân các thuộc địa chống thực dân Anh.
- D. tạo điều kiện đưa cuộc đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa chống thực dân Anh giành thắng lợi.

Câu 5. Kinh tế nông nghiệp lạc hậu, nền công – thương nghiệp đã phát triển. Đó là đặc điểm kinh tế của

- A. nước Pháp trước cách mạng tư sản cuối thế kỉ XVIII.
- B. nước Anh trước cách mạng thế kỉ XVII.
- C. 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ đầu thế kỉ XVIII.
- D. nước Anh và nước Pháp trước khi cách mạng tư sản bùng nổ.

Câu 6. Chế độ quân chủ chuyên chế bảo thủ và lạc hậu, kìm hãm sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, là

- A. tình hình chính trị ở Anh trước khi cách mạng bùng nổ.
- B. tình hình xã hội ở Anh trước khi cách mạng bùng nổ.
- C. tình hình chung ở Anh trước khi cách mạng bùng nổ.
- D. tình hình kinh tế - xã hội ở Anh trước khi cách mạng bùng nổ.

Câu 7. Chế độ quân chủ lập hiến được thiết lập ở Anh sau cách mạng đã thể hiện điều gì?

- A. Cách mạng tư sản Anh chưa triệt để.
- B. Sự thoái trào của cách mạng tư sản Anh.
- C. Sự bế tắc của giai cấp tư sản Anh.
- D. Nhân dân chưa tin tưởng tuyệt đối quý tộc mới và tư sản.

Câu 8. Đỉnh cao của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII gắn với sự kiện lịch sử nào?

- A. Vua Sác-lơ I bị xử tử. Nền cộng hòa được thành lập năm 1649.
- B. Chế độ quân chủ lập hiến ra đời năm 1688.
- C. Nền quân chủ được phục hồi năm 1660.
- D. Vua Sác-lơ I tuyên chiến với Quốc hội nhưng bị đánh bại năm 1642.

Câu 9. Đặc điểm nổi bật của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII là gì?

- A. Là cuộc cách mạng lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế và bảo vệ Tổ quốc.
- B. Là cuộc cách mạng tư sản điển hình nhất châu Âu.
- C. Là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất châu Âu.
- D. Là cuộc cách mạng mang tính dân tộc sâu sắc.

c) Vận dụng (08 câu)

Câu 1. Vì sao cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ được đánh giá là một cuộc cách mạng tư sản?

- A. Giải quyết những nhiệm vụ của một cuộc cách mạng tư sản.
- B. Giải quyết nhiệm vụ giải phóng dân tộc thoát khỏi sự thống trị của thực dân Anh.
- C. Nhân dân lao động hoàn toàn được hưởng thành quả cách mạng.
- D. Thiết lập quyền thống trị của giai cấp tư sản và quý tộc mới.

Câu 2. Điểm khác nhau trong nhiệm vụ của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII với các cuộc cách mạng tư sản trước đó là

- A. đồng thời đấu tranh chống lại các thế lực phong kiến trong nước và ngoài nước.
- B. chống lại liên minh phong kiến châu Âu để bảo vệ thành quả cách mạng.
- C. phải thực hiện khẩu hiệu “hòa bình - ruộng đất - bánh mì” cho quần chúng.
- D. phải thực hiện nhiệm vụ đánh đổ chế độ quân chủ chuyên chế.

Câu 3. Điểm giống nhau về bối cảnh lịch sử bùng nổ của Cách mạng tư sản Anh và Cách mạng tư sản Pháp là

- A. cuộc khủng hoảng về tài chính của triều đình phong kiến.
- B. quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xâm nhập vào nông nghiệp.
- C. sự ra đời của tầng lớp quý tộc mới.
- D. sự tồn tại của chế độ đẳng cấp.

Câu 4. Tầng lớp quý tộc mới ở Anh muốn cách mạng phù hợp với lợi ích giai cấp mình nên họ đã

- A. vừa lãnh đạo cách mạng, vừa hạn chế cách mạng.
- B. vừa đứng về phía giai cấp tư sản, vừa ngã về phía phong kiến.
- C. vừa mâu thuẫn với phong kiến, vừa mâu thuẫn với tư sản.
- D. muốn tranh giành quyền lực sau khi cách mạng thắng lợi.

Câu 5. Điểm giống nhau của Cách mạng tư sản Anh và Chiến tranh giành độc lập của 13 bang thuộc địa ở Bắc Mỹ là

- A. mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- B. đều là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.
- C. đều là bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản.
- D. đều do giai cấp tư sản và quý tộc mới lãnh đạo.

Câu 6. Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế và bảo vệ Tổ quốc. Đó là

- A. một trong các đặc điểm của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.
- B. một trong các nguyên nhân của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII.
- C. đặc điểm của Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ.
- D. kết quả của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII.

Câu 7. Vì sao gọi Cách mạng tư sản Pháp là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất châu Âu?

- A. Vì đã thực hiện triệt để các nhiệm vụ của một cuộc cách mạng tư sản.
- B. Vì đã lật đổ hoàn toàn chế độ phong kiến.
- C. Vì đã mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- D. Vì giải quyết được vấn đề ruộng đất cho nông dân.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây **không** phải điều kiện để nước Anh có thể tiến hành một cuộc cách mạng công nghiệp vào cuối thế kỉ XVIII?

- A. Chỗ dựa vững chắc vào tôn giáo.
- B. Nguồn nhân công dồi dào.
- C. Sự tiến bộ về kĩ thuật.
- D. Nguồn vốn lớn.

2. Cách mạng công nghiệp. (Số câu 21)

a) Nhận biết (06 câu)

Câu 1. Ai là người đã chế tạo ra động cơ hơi nước?

- A. Giêm Oát.
- B. Giêm Ha-gri-vơ.
- C. Êt-mơn các-rai .
- D. Han-man.

Câu 2. Kỹ thuật dùng than cốc để luyện gang thành sắt của ai?

- A. Hen-ri Côt.
- B. Giêm Ha-gri-vơ.
- C. Êt-mơn các-rai .
- D. Han-man.

Câu 3. Thành tựu tiêu biểu nhất của Cách mạng công nghiệp là?

- A. Động cơ hơi nước.
- B. Máy kéo sợi Gien-ni.
- C. Máy dệt.
- D. Máy tĩa hạt bông.

Câu 4. Cách mạng công nghiệp ở Anh bắt đầu từ

- A. những năm 60 của thế kỉ XVIII.
- B. những năm 50 của thế kỉ XVIII.
- C. những năm 70 của thế kỉ XVIII.
- D. những năm 80 của thế kỉ XVIII.

Câu 5. Ảnh hưởng của cách mạng công nghiệp Anh đã nhanh chóng lan đến

- A. châu Âu và châu Mỹ.
- B. Đức và Pháp.
- C. Đức, Pháp và Mỹ.
- D. Đức và Mỹ.

Câu 6. Ai là người sáng chế ra máy kéo sợi đầu tiên?

- A. Giêm Ha-gri-vơ.
- B. Giêm Oát.
- C. Êt-mơn Cát-rai.
- D. Xti-phen-xon.

b) Thông hiểu (07 câu)

Câu 1. Cuộc Cách mạng công nghiệp ở châu Âu cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX để lại hệ quả gì cho xã hội?

- A. Hình thành giai cấp tư sản và vô sản công nghiệp.
- B. Giải phóng sức lao động của nông dân ở nông thôn.
- C. Thúc đẩy sự biến chuyển mạnh mẽ trong công nghiệp.
- D. Góp phần bổ sung lực lượng lao động cho các thành thị.

Câu 2. Cách mạng công nghiệp đã giải phóng sức sản xuất, nâng cao năng suất lao động, biến nước Anh từ một nước nông nghiệp trở thành nước

- A. công nghiệp phát triển nhất thế giới.
- B. có quân đội mạnh nhất thế giới.
- C. có tài nguyên, khoáng sản nhiều nhất thế giới.
- D. có thuộc địa nhiều nhất trên thế giới.

Câu 3. Đến giữa thế kỉ XIX, nước Anh được mệnh danh là

- A. “Công xưởng của thế giới”.
- B. “Nước có nền công nghiệp phát triển nhất thế giới”.
- C. “Nước công nghiệp hiện đại”.
- D. “Nước đi tiên phong trong công nghiệp”.

Câu 4. Cách mạng công nghiệp đã chuyển xã hội loài người từ nền văn minh nông nghiệp sang nền văn minh nào?

- A. Văn minh công nghiệp.
- B. Văn minh trí tuệ.
- C. Văn minh công nghệ và tin học.
- D. Văn minh tin học.

Câu 5. Vì sao Cách mạng công nghiệp ở Anh lại bắt đầu từ ngành công nghiệp nhẹ?

- A. Đầu tư ít, thu hồi vốn nhanh, thu được nhiều lãi.
- B. Anh chưa có điều kiện để phát triển công nghiệp nặng.
- C. Thị trường trong nước và thế giới đang có nhu cầu lớn về các sản phẩm ngành dệt.
- D. Số lượng nhà máy, xưởng dệt nhiều nhất trong các ngành công nghiệp.

c) Vận dụng (08 câu)

Câu 1. Cuộc Cách mạng công nghiệp cuối thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX thực chất là

- A. cuộc cách mạng kĩ thuật của chủ nghĩa tư bản.
- B. cuộc cách mạng công nghiệp của chủ nghĩa tư bản.
- C. cuộc cách mạng lao động của chủ nghĩa tư bản.
- D. cuộc cách mạng sản xuất của chủ nghĩa tư bản.

Câu 2. Bản chất của cuộc Cách mạng công nghiệp thế kỉ XVIII – XIX là?

- A. Quá trình chuyển biến từ nền sản xuất nhỏ thủ công sang sản xuất lớn bằng máy móc.
- B. Quá trình hình thành của hai giai cấp tư sản và công nhân.
- C. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa các nước tư bản châu Âu.
- D. Quá trình hình thành nền tảng kinh tế chính của xã hội tư bản: công nghiệp và thương nghiệp.

Câu 3. Trong các nội dung dưới đây, nội dung nào **không đúng** về cách mạng công nghiệp Anh bắt đầu từ công nghiệp nhẹ?

- A. Khả năng cạnh tranh về công nghiệp nặng của Anh đối với các nước khác yếu hơn.
- B. Là ngành truyền thống, phát triển mạnh ở Anh.
- C. Lượng vốn đầu tư không quá lớn, thu hồi nhanh.
- D. Thị trường tiêu thụ rộng.

Câu 4. Tác động quan trọng nhất của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của nước Anh là gì?

- A. Nước Anh trở thành “công xưởng của thế giới”.
- B. Nâng cao năng suất lao động.
- C. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- D. Dẫn tới sự ra đời của giai cấp tư sản và vô sản.

Câu 5. Trong các nội dung dưới đây, nội dung nào **không** gắn với cách mạng công nghiệp ở Anh thế kỉ XVIII?

- A. Hệ thống nông trường rộng lớn với đội ngũ công nhân đông đảo.
- B. Là nước sớm hoàn thành cách mạng tư sản.
- C. Chính sách đẩy mạnh xâm lược thuộc địa tạo ra nguồn tích lũy tư bản khổng lồ.
- D. Có nguồn nhân công tự do lớn.

3. Tình hình Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX. (Số câu 17)

a) Nhận biết (06 câu)

Câu 1. Đông Nam Á có vị trí địa lí quan trọng, giàu tài nguyên khoáng sản nên sớm trở thành

- A. mục tiêu xâm lược của các nước phương Tây.
- B. nơi giao lưu và thị trường rộng lớn của thực dân phương Tây.
- C. nơi dóm ngó từ lâu của các nước phương Tây.
- D. chủ trọng phát triển của các nước phương Tây.

Câu 2. Nước nào là nước duy nhất ở Đông Nam Á giữ được độc lập?

- A. Xiêm (Thái Lan).
- B. Ma-lai-xi-a.
- C. Mi-an-ma.
- D. Phi-lip-pin.

Câu 3. Thế kỉ XIX, thực dân nào đã đặt ách đô hộ lên ba nước Đông Dương?

- A. Thực dân Pháp.
- B. Thực dân Tây Ban Nha.
- C. Thực dân Bồ Đào Nha.
- D. Thực dân Anh.

Câu 4. Trong quá trình khai thác thuộc địa ở Đông Nam Á, thực dân phương Tây chủ yếu xây dựng những ngành nào?

- A. Công nghiệp chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng.
- B. Công nghiệp nặng và công nghiệp chế biến.
- C. Công nghiệp khai thác mỏ và công nghiệp chế biến.
- D. Công nghiệp hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Câu 5. Trong suốt thế kỉ XIX, thực dân Anh vấp phải cuộc kháng chiến quyết liệt của nhân dân

- A. Mi-an-ma.
- B. In-đô-nê-xi-a.
- C. Ma-lai-xi-a.
- D. Phi-lip-pin.

Câu 6. Lực lượng tham gia chủ yếu trong phong trào đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á là

- A. nông dân.
- B. công nhân.
- C. tiểu tư sản.
- D. trí thức.

b) Thông hiểu (06 câu)

Câu 1. Sự kiện nào đã mở đầu quá trình xâm chiếm, áp đặt sự thống trị, biến các nước Đông Nam Á thành thuộc địa của thực dân phương Tây?

- A. Năm 1511, Bồ Đào Nha đánh chiếm vương quốc Ma-lắc-ca.
- B. Hà Lan cai trị In-đô-nê-xi-a (Indonesia).
- C. Anh chiếm toàn bộ bán đảo Ma-lay-a (Malaya).
- D. Pháp đặt ách đô hộ lên ba nước Đông Dương.

Câu 2. Dưới ách thống trị của thực dân phương Tây, chính quyền và tầng lớp trên ở các nước Đông Nam Á đã

- A. đầu hàng, phụ thuộc hoặc làm tay sai cho thực dân.
- B. cùng nhân dân đứng lên đấu tranh chống thực dân.
- C. thực hiện một số chính sách nhượng bộ đối với thực dân.
- D. Thực hiện một số cải cách tiên bộ để thoát khỏi ách thống trị của thực dân.

Câu 3. Thực dân phương Tây thực hiện chính sách nô dịch ở Đông Nam Á nhằm

- A. đồng hóa và ngu dân để dễ bề cai trị lâu dài.
- B. biến các nước Đông Nam Á thành thuộc địa của thực dân phương Tây.
- C. thực hiện chính sách “chia để trị” lâu dài ở Đông Nam Á.
- D. ngăn chặn các phong trào đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á.

Câu 4. Vì sao trong quá trình khai thác thuộc địa ở Đông Nam Á, thực dân phương Tây **không** chú trọng mở mang công nghiệp nặng?

- A. Muốn cột chặt nền kinh tế các nước Đông Nam Á vào kinh tế phương Tây.
- B. Không đủ máy móc để mở mang công nghiệp nặng.
- C. Không đủ vốn để mở mang công nghiệp nặng.
- D. Không đủ nhân lực để mở mang công nghiệp nặng.

Câu 5. Nguyên nhân bùng nổ cuộc đấu tranh chống lại ách đô hộ của thực dân phương Tây là do

- A. mâu thuẫn dân tộc sâu sắc giữa nhân dân Đông Nam Á với thực dân phương Tây.
- B. mâu thuẫn giữa nhà nước phong kiến với tư bản chủ nghĩa.
- C. mâu thuẫn giữa nông dân bản địa đối với thực dân phương Tây.
- D. mâu thuẫn giữa nhân dân bản địa với tay sai của thực dân phương Tây.

Câu 6. Mục đích của cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân phương Tây ở Đông Nam Á là

- A. chống lại ách cai trị bất công của chế độ thực dân, giành lại nền độc lập.
- B. quyết định chiến thắng của chủ nghĩa tư bản đối với chế độ phong kiến.
- C. báo hiệu sự suy vong của chế độ quân chủ chuyên chế.
- D. lật đổ chính quyền tay sai của thực dân phương Tây.

c) Vận dụng (05 câu)

Câu 1. Đánh giá nào sau đây là đúng khi nói về chính sách kinh tế của thực dân phương Tây áp đặt lên các nước Đông Nam Á?

- A. Đầu tư phát triển mạnh mẽ công nghiệp nhẹ.
- B. Đầu tư phát triển mạnh mẽ công nghiệp nặng.
- C. Đầu tư phát triển mạnh mẽ tài chính ngân hàng
- D. Hạn chế sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 2. Trong các nội dung dưới đây, nội dung nào thể hiện sự phân hóa xã hội ở Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX?

A. Nhiều người nông dân phải rời bỏ ruộng đất để bán sức lao động cho địa chủ và tư bản nước ngoài.

B. Giai cấp công nhân ngày càng bị bần cùng hóa, phải chịu mọi thứ thuế, lao dịch nặng nề.

C. Giai cấp tư sản dân tộc và một bộ phận quý tộc mới hình thành.

D. Tầng lớp tiểu tư sản trí thức hình thành nhưng chưa phát triển.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây **không phải** là tình hình nổi bật về văn hóa, xã hội ở Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây?

- A. Các thế lực phong kiến đầu hàng và phụ thuộc vào chính quyền thực dân.
- B. Chính sách kì thị và “ngu dân” được áp đặt.
- C. Các giai cấp cũ bị phân hóa .
- D. Các giai cấp và tầng lớp mới xuất hiện (công nhân, tư sản, tiểu tư sản).

Câu 4. Nội dung nào dưới đây **không đúng** về hệ quả do chính sách cướp đoạt ruộng đất của nông dân để lập đồn điền của thực dân phương Tây?

- A. Nông dân được cấp ruộng đất để trồng cây công nghiệp.
- B. Nông dân bị mất ruộng đất phải đi làm thuê, trở thành công nhân.
- C. Nông dân bị mất ruộng đất phải đi phiêu tán.
- D. Nông dân phải sống cuộc sống vô cùng cực khổ.

Câu 5. Nội dung nào dưới đây **không phải** là cách thức để thực dân phương Tây từng bước xâm nhập vào các nước Đông Nam Á?

- A. Hỗ trợ tiền tài, vật lực để đưa các nước trở nên giàu có, văn minh.
- B. Ngoại giao, buôn bán.
- C. Truyền giáo, khống chế chính trị ép kí hiệp ước.
- D. Tiến hành xâm lược các nước Đông Nam Á.

4. Xung đột Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn. (Số câu 25)

a) Nhận biết (10 câu)

Câu 1. Đàng Trong của chính quyền chúa Nguyễn chiếm giữ từ vùng đất nào?

- A. Từ sông Gianh (Quảng Bình) trở vào Nam.
- B. Từ Thuận Hóa đến Khánh Hòa.
- C. Từ Quảng Nam đến Bình Định.
- D. Từ Quảng Trị trở vào Nam.

Câu 2. Cuộc xung đột Nam – Bắc triều diễn ra giữa các thế lực phong kiến nào?

- A. Nhà Mạc với nhà Lê.
- A. Nhà Mạc với nhà Nguyễn.
- C. Nhà Lê với nhà Nguyễn.
- D. Nhà Trịnh với nhà Mạc.

Câu 3. Thể chế chính trị ở Đàng Ngoài được xây dựng trên chính quyền của

- A. vua Lê – chúa Trịnh.
- B. vua Lê.
- C. chúa Trịnh.
- D. chúa Nguyễn.

Câu 4. Đất nước ta bị chia cắt thành Đàng Trong – Đàng Ngoài bởi

- A. cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn.
- B. cuộc xung đột Nam – Bắc triều.
- C. nhà Mạc và vua Lê.
- D. vua Lê và chúa Nguyễn.

Câu 5. Cuộc xung đột Nam – Bắc triều đã làm cho vùng nào ở nước ta trở thành chiến trường?

- A. Vùng Thanh – Nghệ và đồng bằng Bắc Bộ.
- B. Vùng đồng bằng Bắc Bộ.
- C. Vùng đất Quảng Bình và đồng bằng Bắc Bộ.
- D. Vùng đồng bằng Quảng Bình và Thanh - Nghệ.

Câu 6. Hệ quả của cuộc xung đột Nam – Bắc triều năm 1533 – 1592 là

- A. nhà Mạc bị lật đổ.
- B. nhà Lê sụp đổ.
- C. Trịnh Kiểm thao túng quyền lực.
- D. xung đột Trịnh – Nguyễn bùng nổ.

Câu 7. Cuộc xung đột (từ năm 1627 đến năm 1672) đã làm cho đất nước tương tàn là

- A. cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn.
- B. cuộc xung đột Nam – Bắc triều.
- C. cuộc xung đột Lê – Mạc.
- D. cuộc xung đột Trịnh – Mạc.

Câu 8. Sau khi Nguyễn Hoàng mất, ai là người tiếp tục củng cố địa vị, dần dần cắt đứt quan hệ với họ Trịnh?

- A. Nguyễn Phúc Nguyên.
- B. Nguyễn Phúc Khoát.
- C. Nguyễn Phúc Loan.

D. Nguyễn Phúc Tần.

Câu 9. Năm 1558, Nguyễn Hoàng xin vào trấn thủ ở đâu?

- A. Trấn thủ ở Thuận Hóa.
- B. Trấn thủ ở Thuận – Quảng.
- C. Trấn thủ ở Quảng Nam.
- D. Trấn thủ từ Quảng Bình đến Nghệ An.

Câu 10. Cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn, cuối cùng hai bên đã lấy địa phận nào làm ranh giới chia đôi đất nước?

- A. Sông Gianh (Quảng Bình).
- B. Sông Bến Hải (Quảng Trị).
- C. Sông Lũy Thầy (Quảng Bình).
- D. Sông Hiền Lương (Quảng Trị).

b) Thông hiểu (07 câu)

Câu 1. Vì sao ở Đàng Trong, chúa Nguyễn ra sức khai thác vùng Thuận Quảng?

- A. củng cố cơ sở cát cứ, tách khỏi sự phụ thuộc vào chúa Trịnh.
- B. Lập làng, lập ấp phục vụ nhân dân.
- C. Khẩn hoang mở rộng vùng cai trị.
- D. Tăng cường thế lực của tầng lớp quan lại địa chủ.

Câu 2. Cuộc xung đột Nam – Bắc triều kết thúc, quyền lực của vua Lê như thế nào?

- A. Chỉ còn danh nghĩa, mất hết quyền lực.
- B. Vẫn nắm quyền thống trị.
- C. Quyền lực bị suy yếu.
- D. Nắm quyền lực nhưng phải dựa vào chúa Trịnh.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây gắn với cuộc xung đột Trịnh - Nguyễn?

- A. Toàn bộ vùng đất Quảng Bình, Hà Tĩnh ngày nay trở thành bãi chiến trường.
- B. Cả vùng Thanh - Nghệ và đồng bằng Bắc Bộ đều là chiến trường.
- C. Sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp đình trệ.
- D. Đời sống nhân dân khốn khổ vì đói, vì bị bắt đi lính, đi phu.

Câu 4. Từ năm 1533 đến năm 1592, đất nước ta diễn ra cục diện: Nam – Bắc triều. Đó là cuộc tranh giành quyền lực giữa tập đoàn phong kiến nào?

- A. Vua Lê (Nam triều) – nhà Mạc (Bắc triều).
- B. Vua Lê (Nam triều) – chúa Trịnh (Bắc triều).
- C. Nhà Mạc (Nam triều) – nhà Nguyễn (Bắc triều).
- D. Vua Lê, chúa Trịnh (Nam triều) – nhà Mạc (Bắc triều).

Câu 5. Vào giữa thế kỉ XVII, vua Lê có vai trò như thế nào trong bộ máy cầm quyền ở Đàng Ngoài?

- A. Chỉ là “một cái bóng mờ” trong cung cấm.
- B. Nắm quyền tối cao.
- C. Bị san sẻ một phần quyền lợi cho chúa Trịnh.
- D. Nắm một phần binh quyền ở Đàng Ngoài.

Câu 6. Trong cuộc xung đột Nam – Bắc triều, thế lực của Bắc triều là

- A. chính quyền nhà Mạc ở Thăng Long.
- B. vua Lê, chúa Trịnh ở vùng Thanh – Nghệ.
- C. chính quyền nhà Lê dưới danh nghĩa triều Lê Trung Hưng.
- D. chúa Nguyễn Kim ở Thanh Hóa, Nghệ An.

Câu 7. Sự phân chia Đàng Trong - Đàng Ngoài, đó là sự đối lập của hai thế lực phong kiến nào?

- A. Chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong.
- B. Vua Lê gọi là Đàng Ngoài, chúa Trịnh gọi là Đàng Trong.
- C. Chúa Trịnh gọi là Đàng Ngoài, họ Nguyễn gọi là Đàng Trong.

D. Vua Lê gọi là Đàng Ngoài, chúa Nguyễn gọi là Đàng Trong.

c) Vận dụng (08 câu)

Câu 1. Nội dung nào dưới đây **không** phải là hệ quả của xung đột Nam – Bắc triều?

- A. Lũy Thầy ở phía Nam như một bức tường chia đôi đất nước.
- B. Vùng Thanh – Nghệ và đồng bằng Bắc Bộ đều là chiến trường.
- C. Làng mạc bị tàn phá, sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp bị đình trệ...
- D. Trao đổi buôn bán giữa các vùng gặp nhiều khó khăn.

Câu 2. Giải thích vì sao nhân dân gọi chính quyền Đàng Ngoài là “vua Lê – chúa Trịnh”?

- A. Tuy nắm quyền thống trị, nhưng họ Trịnh phải dựa vào danh nghĩa vua Lê.
- B. Do Trịnh Tùng xây dựng vương phủ bên cạnh triều đình vua Lê.
- C. Vua Lê và chúa Trịnh cùng nắm quyền ở Đàng Ngoài.
- D. Cả vua Lê và chúa Trịnh phải dựa vào nhau để cai trị Đàng Ngoài.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây **không** phải là hệ quả của xung đột Trịnh – Nguyễn thế kỉ XVII?

- A. Làm cho vùng Thanh – Nghệ và đồng bằng Bắc Bộ đều là chiến trường.
- B. Làm chia cắt đất nước và làm ảnh hưởng đến sự phát triển của quốc gia – dân tộc.
- C. Làm suy kiệt sức người, sức của của đất nước.
- D. Tàn phá đồng ruộng, xóm làng; giết hại nhiều người vô tội.

Câu 4. Năm 1533, Nguyễn Kim đã làm gì?

- A. Vào Thanh Hoá, lấy danh nghĩa “phù Lê diệt Mạc” đưa một người con của vua Lê lên ngôi, thiết lập lại vương triều.
- B. Đem 50 vạn quân trong tay, dựng lá cờ chính nghĩa, tấn công triều Mạc, thiết lập vương triều mới: Bắc triều.
- C. Đem 50 vạn quân trong tay, dựng lá cờ chính nghĩa, tấn công triều Mạc, thiết lập vương triều mới: Nam triều.
- D. Phò trợ Mạc Đăng Dung, tiếp quản vùng Đàng Trong.

Câu 5. Khi mâu thuẫn giữa hai dòng họ Trịnh – Nguyễn dần bộc lộ và ngày càng trở nên gay gắt thì

- A. người con thứ của Nguyễn Kim là Nguyễn Hoàng đã xin vào trấn thủ ở Thuận Hoá để tìm cách gây dựng sự nghiệp.
- B. người con rể của Nguyễn Kim là Trịnh Kiểm đã xin vào trấn thủ ở Thuận Hoá để tìm cách gây dựng sự nghiệp.
- C. người con trưởng của Nguyễn Hoàng là Nguyễn Phúc Nguyên đã tuyên chiến với thế lực của Trịnh Kiểm.
- D. người cháu của Trịnh Kiểm là Trịnh Cán đã tìm cách tạo phản nhưng không thành.

Câu 6. Nội dung nào dưới đây **không** đúng với nguyên nhân bùng nổ chiến tranh Nam – Bắc triều?

- A. Nguyễn Hoàng vào trấn giữ Thuận Hóa, xây dựng thế lực, mở rộng đất đai.
- B. Nhà Lê suy thoái, nhiều nơi dân chúng nổi dậy chống lại triều đình.
- C. Mạc Đăng Dung tiêu diệt các thế lực đối lập, thôn tóm quyền hành, lật đổ triều Lê sơ.
- D. Nguyễn Kim vào Thanh Hóa, đưa Lê Duy Ninh lên làm vua, nhân danh “phù Lê diệt Mạc”.

Câu 7. Nội dung nào dưới đây **không** gắn với cuộc xung đột Trịnh – Nguyễn?

- A. Sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp bị đình trệ...
- B. Cuộc xung đột cuốn cả nước vào vòng binh đao, khói lửa.
- C. Toàn bộ vùng đất Quảng Bình, Hà Tĩnh ngày nay trở thành chiến trường ác liệt.
- D. Trịnh Tùng xây dựng vương phủ bên cạnh triều đình vua Lê.

Câu 8. Nội dung nào dưới đây **không** đúng với nguyên nhân bùng nổ chiến tranh Trịnh - Nguyễn?

- A. Nguyễn Phúc Nguyên một lòng “phù Mạc diệt Trịnh”.
- B. Mâu thuẫn giữa hai dòng họ Trịnh - Nguyễn dần bộc lộ và ngày càng gay gắt.
- C. Nguyễn Hoàng mất, con là Nguyễn Phúc Nguyên lên thay, đã tỏ rõ thái độ đối lập và chấm dứt việc nộp thuế cho họ Trịnh.

D. Họ Nguyễn từng bước xây dựng thế lực và mở rộng dân đất đai về phương Nam.

5. Quá trình khai phá vùng đất phía Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII. (Số câu 17)

a) Nhận biết (09 câu)

- Câu 1.** Vào cuối thế kỉ XV, đạo Quảng Nam được thành lập với tên gọi là
☐ A. Quảng Nam.
☐ B. Quảng Ngãi.
☐ C. Quảng Ninh.
☐ D. Quảng Bình.
- Câu 2.** Vào đầu thế kỉ XVI, xứ Thuận Hóa thuộc vùng đất nào?
☐ A. Quảng Nam.
☐ B. Bình Định.
☐ C. Phú Yên.
☐ D. Đà Nẵng.
- Câu 3.** Ai là người được cử làm trấn thủ xứ Thuận Hóa?
☐ A. Nguyễn Hoàng.
☐ B. Nguyễn Huệ.
☐ C. Nguyễn Kim.
☐ D. Nguyễn Lữ.
- Câu 4.** Năm 1693 phần đất của Chiêm Thành (Ninh Thuận-Bình Thuận) được sáp nhập thành
☐ A. một trấn của Đàng Trong.
☐ B. một xứ của Đàng Ngoài.
☐ C. một phủ thuộc Ninh Thuận.
☐ D. một lộ thuộc Bình Thuận.
- Câu 5.** Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh nào ngày nay?
☐ A. Đà Nẵng.
☐ B. Thừa Thiên Huế.
☐ C. Phú Yên.
☐ D. Khánh Hòa.
- Câu 6.** Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh nào ngày nay?
☐ A. Khánh Hòa.
☐ B. Đà Nẵng.
☐ C. Phú Yên.
☐ D. Vũng Tàu.
- Câu 7.** Để thực thi chủ quyền với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa từ năm 1563-1635 chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã thành lập
☐ A. hải đội Hoàng Sa.
☐ B. hải đội Trường Sa.
☐ C. đội Bắc Hải.
☐ D. đội Nam Hải.
- Câu 8.** Chính quyền đầu tiên xác định được chủ quyền với hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa là
☐ A. chúa Nguyễn ở Đàng Trong.
☐ B. chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.
☐ C. triều đại Tây Sơn.
☐ D. hải đội Hoàng Sa.
- Câu 9.** “Lễ khao lề thế lính Hoàng Sa” là một nghi lễ truyền thống ở huyện đảo nào?
☐ A. Lý Sơn.
☐ B. Côn Đảo.
☐ C. Phú Quốc.

D. Đảo Côn Cỏ.

b) Thông hiểu (05 câu)

Câu 1. Tên gọi Quảng Nam có nghĩa là

- A. phía nam rộng lớn.
- B. vùng đất phương nam.
- C. người Việt phương nam.
- D. đảo Hải Nam.

Câu 2. Gia Định là tên gọi xưa của thành phố nào ngày nay?

- A. Thành phố Hồ Chí Minh.
- B. Thành phố Cần Thơ.
- C. Thành phố Đà Nẵng.
- D. Thành phố Hải Phòng.

Câu 3. Đến giữa thế kỉ XVIII về kinh tế vùng đất phương nam đã xuất hiện

- A. nhiều trung tâm giao thương phát triển.
- B. những vùng đất mới, hoang vu.
- C. nhiều trung tâm Phật giáo lớn.
- D. thương cảng Vân Đồn (Quảng Ninh).

Câu 4. Cuối thế kỉ XVI, người Việt tiếp tục di cư về phía nam để

- A. khai hoang mở đất.
- B. đem quân chinh phạt Chiêm Thành.
- C. thành lập đạo Quảng Nam.
- D. trấn thủ vùng biên ải phía Bắc.

Câu 5. Để truyền đạo được thuận lợi, dễ dàng các giáo sĩ phương Tây đã

- A. học tiếng Việt.
- B. phiên dịch tiếng Việt.
- C. học tiếng Hán Việt.
- D. dạy người Việt học tiếng nước ngoài.

c) Vận dụng (03 câu)

Câu 1. Quá trình thực thi chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa được thực hiện liên tục thông qua hoạt động

- A. kiểm soát, khai thác và chiếm giữ.
- B. khai thác liên tục thủy hải sản trên biển.
- C. chiếm đảo lớn nhất đánh dấu chủ quyền.
- D. vẽ bản đồ Hoàng Sa, Trường Sa.

Câu 2. Hàng năm chúng ta tổ chức chủ đề tuần lễ biển đảo với mục đích gì?

- A. Tôn vinh, bảo vệ và phát triển.
- B. Hành động vì biển đảo quê hương.
- C. Vì Trường Sa, Hoàng Sa thân yêu.
- D. Vì nghi lễ thờ cúng thần biển.

Câu 3. Vai trò của Quần đảo Trường Sa đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc là

- A. nâng cao kinh tế, bảo vệ chủ quyền an ninh quốc phòng.
- B. là điểm tiền tiêu bảo vệ Tổ quốc.
- C. là điểm tựa khai thác các nguồn lợi trên biển.
- D. là trạm dừng chân, cung cấp nguyên liệu cho các phương tiện.

6. Kinh tế, văn hóa và tôn giáo ở Đại Việt trong các thế kỉ XVI- XVIII (Số câu 19)

a) Nhận biết (8 câu)

Câu 1. Ngôn ngữ chúng ta đang sử dụng ngày nay gọi là

- A. chữ Quốc ngữ.

- B. chữ Phạn.
- C. chữ La Mã.
- D. chữ Nôm.

Câu 2. Ở Đàng Ngoài giai đoạn 1533-1672 ruộng đất bị bỏ hoang nguyên nhân chính là do

- A. chiến tranh.
- B. hạn hán.
- C. thiên tai.
- D. dịch bệnh.

Câu 3. Sự phát triển nông nghiệp ở Đàng Trong dẫn đến hình thành một tầng lớp

- A. địa chủ lớn.
- B. tiểu tư sản.
- C. tư sản.
- D. Đại tư sản.

Câu 4. Làng gốm nổi tiếng ở Hà Nội thế kỉ XVI- XVIII là

- A. gốm Bát Tràng.
- B. gốm Thổ Hà.
- C. gốm La Khê.
- D. gốm Nho Lâm

Câu 5. Di sản văn hóa thế giới phố cổ nổi tiếng ở Quảng Nam là

- A. Hội An.
- B. Cù lao Phố.
- C. phố cổ Hà Nội.
- D. Vịnh Hạ Long.

Câu 6. Tôn giáo nào du nhập vào nước ta đầu thế kỉ XVI?

- A. Thiên Chúa giáo.
- B. Phật giáo.
- C. Nho giáo.
- D. Đạo giáo.

Câu 7. Hát tuồng là một trong những hình thức ca kịch phổ biến ở

- A. Đàng Trong.
- B. Đàng Ngoài.
- C. Bắc Ninh.
- D. Hà Nam.

Câu 8. Ai là nhà sử học tiêu biểu nước ta thế kỉ XVIII?

- A. Lê Quý Đôn.
- B. Đào Duy Từ.
- C. Dương Văn An.
- D. Đỗ Bá.

b) Thông hiểu (06 câu)

Câu 1. Được người đời mến phục, gọi “Chúa Tiên” ông là ai?

- A. Nguyễn Hoàng.
- B. Nguyễn Kim.
- C. Nguyễn Uông.
- D. Nguyễn Hoàng Dụ.

Câu 2. Ở Đàng Trong nền nông nghiệp phát triển rõ rệt nguyên nhân là do

- A. chính sách tốt về khuyến nông của chúa Nguyễn.
- B. ruộng đất nhiều “thăng cánh cò bay”.
- C. xung đột chiến tranh chấm dứt ở Đàng Ngoài.

D. lực lượng lao động là nông dân chiếm 100%

Câu 3. Từ thế kỉ XVI-XVIII ở Đàng Trong đã hình thành được hai vùng nông nghiệp trù phú nhất cả nước là

- A. lưu vực sông Đồng Nai và sông Cửu Long.
- B. lưu vực sông Đồng Nai và sông Tiền.
- C. lưu vực sông Cửu Long và sông Hậu.
- D. lưu vực sông Hậu và sông Tiền.

Câu 4. Một trong những người nước ngoài có công hình thành nên phương cách viết tiếng Việt bằng mẫu tự La tinh là

- A. A-lếch- Xăng Đơ-Rốt.
- B. Rô-be-spie.
- C. Ph. Ăng-ghen.
- D. C. Mác.

Câu 5. Nhà bác học nào ở nước ta thời phong kiến được mệnh danh là “túi khôn thời đại?”

- A. Lê Quý Đôn.
- B. Phan Huy Chú.
- C. Lê Hữu Trác.
- D. Nguyễn Đình Chiểu.

Câu 6. Điểm hạn chế của sự phát triển nông nghiệp ở nước ta từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII là

- A. đất đai tập trung vào tay địa chủ phong kiến.
- B. nông nghiệp bị chiến tranh tàn phá nặng nề.
- C. thiên tai, lũ lụt, hạn hán triền miên.
- D. chính sách khuyến khích khai hoang không hiệu quả.

c) Vận dụng (05 câu)

Câu 1. Vì sao chữ cái La-tinh ghi âm tiếng Việt trở thành chữ Quốc ngữ của nước ta cho đến ngày nay?

- A. Là công cụ thông tin tiện lợi, khoa học, dễ phổ biến.
- B. Giúp xác định các âm tiết trong tiếng Việt.
- C. Tiếng Việt phong phú đa dạng, nhiều nghĩa dễ hiểu.
- D. Thuận lợi cho các giáo sĩ phương Tây truyền đạo bằng tiếng Việt.

Câu 2. Vào thế kỉ XVI đến XVIII nước ta có những chuyển biến gì về tôn giáo?

- A. Nho giáo suy thoái, Phật giáo có điều kiện khôi phục.
- B. Nho giáo được duy trì trở thành quốc giáo.
- C. Thiên Chúa giáo bị cấm truyền đạo ở nước ta.
- D. Các tôn giáo đều được chấp nhận và phát triển.

Câu 3. Thương nghiệp nước ta thế kỉ XVI-XVIII có điểm mới gì

- A. Xuất hiện làng nghề, phố xá, thương điểm buôn bán lâu dài.
- B. Chính quyền phong kiến chỉ ưu tiên mua vũ khí nước ngoài.
- C. Giao lưu buôn bán với nhiều nước trên thế giới.
- D. Chợ phiên được mở khắp nơi ở nông thôn.

Câu 4. Từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII, nền nông nghiệp ở Đàng Trong diễn ra như thế nào?

- A. Nền nông nghiệp phát triển rõ rệt.
- B. Nông dân bỏ làng tìm ra đô thị.
- C. Ruộng đất bỏ hoang không người cày cấy.
- D. Thiên tai, mất mùa, nông dân đói khổ.

Câu 5. Nét đẹp trong tín ngưỡng truyền thống của dân tộc ta ở thế kỉ XVI-XVIII là gì?

- A. Thờ cúng tổ tiên, anh hùng dân tộc.
- B. Tổ chức chợ phiên thường niên.
- C. Phật giáo được khôi phục trở thành quốc giáo.

D. Lễ hội đền Hùng ba năm tổ chức một lần.

7. Khởi nghĩa nông dân ở Đảng ngoài thế kỉ XVIII. (Số câu 10)

a) Nhận biết (03 câu)

Câu 1. Cuộc khởi nghĩa nông dân **tiêu biểu** ở Đảng Ngoài bùng nổ ở vùng Điện Biên, Tây Bắc là

- A. khởi nghĩa Hoàng Công Chất.
- B. khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương.
- C. khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu.
- D. khởi nghĩa Vũ Đình Dung.

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa nào của nông dân ở Đảng Ngoài đề cao khẩu hiệu “cướp của nhà giàu, chia cho dân nghèo”?

- A. Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu.
- B. Khởi nghĩa Vũ Đình Dung.
- C. Khởi nghĩa Nguyễn Tuyên, Nguyễn Cừ.
- D. Khởi nghĩa Lê Duy Mật.

Câu 3. Các cuộc khởi nghĩa nông dân Đảng Ngoài có kết thúc như thế nào?

- A. Đều thất bại.
- B. Đều thắng lợi.
- C. Lật đổ vua Lê.
- D. Lật đổ chúa Trịnh.

b) Thông hiểu (03 câu)

Câu 1. Các cuộc khởi nghĩa nông dân tiêu biểu ở Đảng Ngoài thế kỉ XVIII gồm

- A. khởi nghĩa Hoàng Công Chất, Nguyễn Danh Phương, Nguyễn Hữu Cầu.
- B. khởi nghĩa Lê Duy Mật, Vũ Đình Dung, Nguyễn Dương Hưng.
- C. khởi nghĩa Lê Duy Mật, Vũ Đình Dung, Nguyễn Hữu Cầu.
- D. khởi nghĩa Hoàng Công Chất, Nguyễn Danh Phương, Lê Duy Mật.

Câu 2. Nhân dân Đảng Ngoài đứng lên khởi nghĩa là vì

- A. cuộc sống bị bóc lột cùng cực.
- B. chống lại quân xâm lược từ phương Bắc.
- C. do sản xuất nông nghiệp đình đốn.
- D. ủng hộ phong trào Tây Sơn.

Câu 3. Giữa thế kỉ XVIII chính quyền phong kiến Đảng Ngoài rơi vào khủng hoảng trầm trọng là do

- A. ảnh hưởng các cuộc khởi nghĩa nông dân Đảng Ngoài.
- B. ảnh hưởng các cuộc khởi nghĩa nông dân Đảng Trong.
- C. nhà Thanh - Trung Quốc đem quân xâm lược.
- D. lo sợ Tây Sơn tiến quân ra Bắc.

c) Vận dụng (04 câu)

Câu 1. Sự kiện lịch sử làm “ngiên nghiêng trời lệch đất” ở nước ta vào thế kỉ XVIII là

- A. các cuộc khởi nghĩa nông dân liên tiếp bùng nổ.
- B. quân Thanh xâm lược gây tội ác dã man ở Thăng Long.
- C. chiến thắng vang dội trận Rạch Gầm – Xoài Mút.
- D. xóa bỏ ranh giới chia cắt Sông Gianh – Lũy Thầy.

Câu 2. Tác động lớn nhất của các cuộc khởi nghĩa nông dân Đảng Ngoài thế kỉ XVIII là

- A. làm lung lay chính quyền “vua Lê – chúa Trịnh”.
- B. khuyến khích kinh tế nông nghiệp phát triển.
- C. làm trong sạch bộ máy quan lại ở địa phương.
- D. không phát sinh thêm nhiều thuế mới.

Câu 3. Nguyên nhân nào sau đây làm cho các cuộc khởi nghĩa nông dân Đảng Ngoài đều thất bại?

- A. Cơ sở tổ chức rời rạc, tự phát, thiếu liên kết.

- B. Địa bàn hoạt động là vùng rừng núi hiểm trở.
 - C. Chiến thuật mai phục, tập kích không hiệu quả.
 - D. Lực lượng nghĩa quân ít, vũ khí thô sơ.
- Câu 4.** Sự mục nát của chính quyền họ Trịnh ở Đàng Ngoài đã dẫn đến hậu quả gì?
- A. Khủng hoảng chính trị, kinh tế suy sụp.
 - B. Thiên tai dịch bệnh triền miên.
 - C. Kinh tế thủ công nghiệp sa sút.
 - D. Vua Lê bạc nhược, chúa Trịnh chỉ lo hưởng thụ.

8. Phong trào Tây Sơn (Số câu 19)

a) Nhận biết (08 câu)

- Câu 1.** Ba anh em của phong trào Tây Sơn gồm
- A. Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ.
 - B. Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Kim.
 - C. Nguyễn Kim, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ.
 - D. Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ, Nguyễn Hoàng.
- Câu 2.** Căn cứ ban đầu của nghĩa quân Tây Sơn ở đâu?
- A. Tây Sơn thượng đạo (An Khê, Gia Lai).
 - B. Tây Sơn hạ đạo (Tây Sơn, Bình Định).
 - C. Tây Sơn thượng đạo (Phú Xuân, Thừa Thiên Huế).
 - D. Tây Sơn, hạ đạo (Sông Gianh, Lũy Thầy).
- Câu 3.** Chính quyền chúa Nguyễn vừa bị lật đổ, Nguyễn Phúc Ánh chạy sang cầu cứu nước nào?
- A. Xiêm.
 - B. Lào.
 - C. Pháp.
 - D. Trung Quốc.
- Câu 4.** Vua Xiêm phái 5 vạn quân thủy bộ kéo vào Gia Định đã thể hiện rõ hành động gì?
- A. Xâm lược.
 - B. Viện binh cho Tây Sơn.
 - C. Giúp đỡ chính quyền Đàng Ngoài.
 - D. Bảo vệ biên giới nước Xiêm.
- Câu 5.** Ai là người đưa hai vạn quân vào Gia Định làm nên chiến thắng Rạch Gầm- Xoài Mút 1785?
- A. Nguyễn Huệ.
 - B. Nguyễn Nhạc.
 - C. Nguyễn Lữ.
 - D. Nguyễn Ánh.
- Câu 6.** Sau khi bị quân Tây Sơn đánh bại, vua Lê Chiêu Thống sang Trung Quốc nhằm
- A. cầu cứu nhà Thanh.
 - B. nhận tước phong hoàng đế An Nam.
 - C. xin lánh nạn sống lưu vong.
 - D. Nhờ Xiêm viện binh phục quốc.
- Câu 7.** Tháng 12-1788 Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là
- A. Quang Trung.
 - B. Thái Đức.
 - C. Cảnh Thịnh.
 - D. Gia Long.
- Câu 8.** Tướng giặc nào của nhà Thanh thống lĩnh 29 vạn quân xâm lược nước ta?
- A. Tôn Sĩ Nghị.
 - B. Sâm Nghi Đống.

- C. Ô Mã Nhi.
- D. Liễu Thăng.

b) Thông hiểu (06 câu)

- Câu 1.** Nguyên nhân bùng nổ phong trào khởi nghĩa Tây Sơn?
- A. Bất bình trước chính quyền phong kiến suy đồi.
 - B. Chính quyền Đàng Ngoài nhúng nhể nhân dân.
 - C. Chính quyền Đàng Trong tăng nhiều thuế mới.
 - D. Muốn xóa bỏ ranh giới Sông Gianh - Lũy Thầy.
- Câu 2.** Những thắng lợi tiêu biểu của phong trào Tây Sơn từ 1774 đến 1788 là
- A. lật đổ chúa Nguyễn và chính quyền Lê – Trịnh.
 - B. lật đổ chính quyền phong kiến Đàng Trong.
 - C. lật đổ chính quyền phong kiến Đàng Ngoài.
 - D. đánh bại quân Thanh xâm lược năm 1789.
- Câu 3.** Kết quả của trận Rạch Gầm - Xoài Mút năm 1785 là
- A. quân Tây Sơn làm chủ vùng Gia Định.
 - B. chính quyền chúa Nguyễn bị lật đổ.
 - C. quân Xiêm chiếm được thành Phú Xuân.
 - D. quân Thanh bị bao vây và tiêu diệt.
- Câu 4.** Trong ba anh em Tây Sơn sau khi thành lập vương triều mới ai là người lên ngôi hoàng đế?
- A. Nguyễn Nhạc.
 - B. Nguyễn Huệ.
 - C. Nguyễn Lữ.
 - D. Nguyễn Ánh.
- Câu 5.** Để bảo toàn lực lượng, Nguyễn Huệ cho quân rút khỏi Thăng Long và có biện pháp gì đối phó với quân Thanh?
- A. Xây dựng phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn.
 - B. Bố trí trận địa đoạn sông Rạch Gầm – Xoài Mút.
 - C. Liên minh chính quyền phong kiến Đàng Ngoài.
 - D. Đưa sứ giả cầu hòa chờ viện binh.
- Câu 6.** Nguyên nhân đại phá quân Thanh thành công năm 1789 là
- A. sự lãnh đạo tài tình của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ.
 - B. nhờ vào sự giúp đỡ của quân Xiêm và quân Pháp.
 - C. có vũ khí hiện đại, tính sát thương cao.
 - D. quân đội kẻ thù thương vong lớn và đang suy yếu.

c) Vận dụng (05 câu)

- Câu 1.** Tại sao phong trào Tây Sơn được nhân dân Đàng Trong ủng hộ?
- A. Phù hợp và đáp ứng được nguyện vọng nhân dân.
 - B. Lật đổ được tập đoàn phong kiến Đàng Ngoài.
 - C. Ba anh em Tây Sơn đoàn kết mưu lược dũng cảm.
 - D. Do xuất phát từ nông dân nên được nông dân ủng hộ.
- Câu 2.** Việc Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế có ý nghĩa gì?
- A. Khẳng định chủ quyền độc lập dân tộc.
 - B. Thể hiện dân tộc Việt Nam có vua.
 - C. Dễ dàng hiệu lệnh ba quân tướng sĩ.
 - D. Là cơ sở đưa Quang Toản lên ngôi.
- Câu 3.** Nguyễn Huệ sử dụng chiến thuật gì làm nên thắng lợi trận Rạch Gầm - Xoài Mút năm 1785?
- A. Chiến thuật mai phục trên sông.
 - B. Thực hiện “vườn không nhà trống”

- C. Đột kích bất ngờ vào ban đêm.
- D. Đánh chặn làm tiêu hao sinh lực địch.

Câu 4. Đóng góp **quan trọng nhất** của Quang Trung cho lịch sử dân tộc ở thế kỉ XVIII là

- A. đánh tan quân xâm lược Xiêm - Thanh, giữ vững nền độc lập.
- B. xóa bỏ ranh giới đất nước “Sông Gianh - Lũy Thầy”.
- C. lật đổ chính quyền phong kiến Lê - Trịnh – Nguyễn.
- D. Hạ đồn Ngọc Hồi giết chết tướng Sầm Nghi Đống.

Câu 5. Ý nghĩa lịch sử quan trọng khi đánh bại quân Thanh xâm lược năm 1789 là

- A. đập tan tham vọng xâm lược ngoại bang.
- B. chấm dứt chiến tranh Nam – Bắc triều.
- C. kết thúc nội chiến Trịnh – Nguyễn phân tranh.
- D. xóa bỏ tình trạng chia cắt đất nước kéo dài hơn 250 năm.

9. Nội dung Các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc (Số câu 11)

a) Nhận biết (05 câu)

Câu 1. Đến đầu thế kỉ XX, nhóm các nước Âu – Mỹ tiêu biểu chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc là

- A. Anh - Pháp – Đức – Mỹ.
- B. Nga – Trung Quốc – Anh – Pháp.
- C. Ý – Nga – Mỹ - Pháp.
- D. Ấn Độ - Lào – Li Bi – Ai Cập.

Câu 2. Hiện nay vương quốc Anh theo thể chế nào?

- A. Quân chủ lập hiến.
- B. Quân chủ đại nghị.
- C. Quân chủ chuyên chế.
- D. Chế độ Cộng hòa.

Câu 3. Từ 1875 đến 1914 quốc gia nào sau đây đã 50 lần thay đổi chính phủ?

- A. Pháp.
- B. Mỹ.
- C. Anh.
- D. Đức.

Câu 4. Năm 1881 nước nào ban hành đạo luật quy định người da đen không được vào những nơi công cộng dành cho người da trắng?

- A. Mỹ.
- B. Bồ Đào Nha.
- C. Tây Ban Nha.
- D. Hà Lan.

Câu 5. Cuối thế kỉ XIX về kinh tế quốc gia nào vượt qua Anh, Pháp vươn lên vị trí thứ hai thế giới?

- A. Đức.
- B. Mỹ.
- C. Nga.
- D. Trung Quốc.

b) Thông hiểu (03 câu)

Câu 1. Sự kết hợp giữa tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp đã tạo nên tầng lớp

- A. tư bản tài chính.
- B. tư bản công nghiệp.
- C. tư bản ngân hàng.
- D. xuất khẩu tư bản.

Câu 2. Đạo luật của Mỹ quy định người da đen không được vào nơi công cộng dành cho người da trắng đã thể hiện thái độ gì?

- A. Phân biệt chủng tộc.
- B. Phân biệt ngôn ngữ.
- C. Phân biệt tôn giáo.
- D. Phân biệt tín ngưỡng.

Câu 3. Chính sách đối ngoại cơ bản của các đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ đến đầu thế kỉ XX là

- A. tăng cường xâm lược thuộc địa.
- B. giành quyền kiểm soát cổ phiếu.
- C. tập trung vốn sản xuất công nghiệp.
- D. thành lập các công ty độc quyền.

c) Vận dụng (03 câu)

Câu 1. Các công ty độc quyền ra đời ở châu Âu và Mỹ với mục đích là

- A. chiếm và kiểm soát một ngành công nghiệp.
- B. chiếm và kiểm soát một ngành nông nghiệp.
- C. độc quyền phân phối hàng hóa thủ công nghiệp.
- D. thu tóm độc quyền thị trường chứng khoán.

Câu 2. Yếu tố nào sau đây là một trong những dấu hiệu đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa đế quốc?

- A. Chiến tranh giành thuộc địa.
- B. Đế quốc Anh độc chiếm kênh đào Xuy-ê.
- C. Đức theo thể chế quân chủ lập hiến.
- D. Mỹ vươn lên đứng đầu kinh tế thế giới.

Câu 3. Vương quốc Anh được gọi là “đế quốc Mặt Trời không bao giờ lặn” có nghĩa là

- A. có hệ thống thuộc địa rộng lớn nhất thế giới.
- B. có nền kinh tế phát triển bậc nhất châu Âu.
- C. vì mặt trời mọc và lặn đều ở nước Anh.
- D. nền công nghiệp phát triển tỏa sáng ví như mặt trời.

10. Nội dung Công xã Pa-ri (năm 1871) (Số câu 07)

a) Nhận biết (03 câu)

Câu 1. Nhà nước kiểu mới đầu tiên trên thế giới của giai cấp vô sản là

- A. Công xã Pa – ri.
- B. Vương quốc Anh.
- C. Hợp chủng quốc Hoa Kỳ.
- D. Cộng hòa Liên bang Đức.

Câu 2. Chính phủ mới của giai cấp tư sản được thành lập sau cuộc chiến tranh Pháp – Phổ mang tên gì?

- A. Chính phủ vệ quốc.
- B. Hội đồng công xã
- C. Chính phủ Véc – xai.
- D. Quốc dân quân.

Câu 3. Đến ngày 28/5/1871, cuộc chiến đấu của các chiến sĩ Công xã Pa – ri kết thúc, lịch sử gọi là

- A. tuần lễ đẫm máu.
- B. chiến dịch vây hãm Pa – ri.
- C. cuộc nội chiến Pa – ri.
- D. ngày chủ nhật đẫm máu.

b) Thông hiểu (02 câu)

Câu 1. Quyền lực Hội đồng Công xã Pa – ri được tập trung trong tay cơ quan nào?

- A. Lập pháp và hành pháp.
- B. Lập pháp và tư pháp.

- C. Hành pháp và tư pháp.
- D. Không cơ quan nào.

Câu 2. Hội đồng Công xã Pa – ri quan tâm nhiều đến lợi ích của tầng lớp nào trong xã hội?

- A. Nông dân, công nhân, dân nghèo thành thị.
- B. Công nhân, nông dân và giai cấp tiểu tư sản.
- C. Tư sản, tiểu tư sản và giai cấp nông dân.
- D. Tiểu tư sản, công nhân, dân nghèo thành thị.

c) Vận dụng (02 câu)

Câu 1. Hoàn cảnh lịch sử nào dẫn đến sự ra đời của Công xã Pa – ri?

- A. Chống lại chính phủ vệ quốc và quân Phổ xâm lược năm 1870.
- B. Chống lại quân Pháp và quân Phổ ở Xơ - đăng tháng 7 năm 1870.
- C. Cuộc chiến đấu từ đời Mông – mác giữa Quốc dân quân và quân Phổ.
- D. Cuộc chiến đấu của 150 chiến sĩ Công xã tại nghĩa trang Cha-La-se.

Câu 2. Trước sự phản bội của chính phủ vệ quốc, nhân dân Pháp đã có hành động gì để bảo vệ thủ đô?

- A. Quyết tâm vũ trang bảo vệ Pa – ri.
- B. Ủng hộ Chi-e kí hòa ước đầu hàng.
- C. Thành lập Ủy ban quân sự kháng chiến.
- D. Rút lui để bảo toàn lực lượng.

Bài 11. Phong trào công nhân và sự ra đời của chủ nghĩa Mác (Số câu: 18 câu)

Nhận biết (07 câu)

Câu 1. Giai cấp công nhân trở thành giai cấp chính trong xã hội tư bản chủ nghĩa trong hoàn cảnh nào?

- A. Nhờ những phát minh ra máy móc.
- B. Số lượng công nhân tăng nhanh.
- C. Chủ nghĩa tư bản cần nguồn lao động.
- D. Nhu cầu về hàng hóa trong xã hội tăng.

Câu 2. Tình cảnh của công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa như thế nào?

- A. Vô cùng khốn khổ.
- B. Cuộc sống đủ ăn.
- C. Được bọn chủ trả lương.
- D. Ngày làm 8 giờ.

Câu 3. Đâu không phải là nguyên nhân làm cho giai cấp công nhân thường xuyên nổi dậy đấu tranh?

- A. Mới được hình thành, số lượng ít.
- B. Lương lao động thấp.
- C. Thời gian lao động nhiều.
- D. Điều kiện sống tồi tàn.

Câu 4. Đến những năm 30 – 40 của thế kỉ XIX, giai cấp công nhân ngày càng đông đảo và trưởng thành về nhận thức, họ đã làm gì?

- A. Đấu tranh chính trị chống lại giai cấp tư sản.
- B. Tiếp tục biểu tình, bãi công.
- C. Đập phá máy móc, đốt công xưởng.
- D. Đòi tăng lương, cải thiện điều kiện lao động.

Câu 5. Học thuyết về chủ nghĩa xã hội do C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n khởi xướng đã ra đời trong bối cảnh nào?

- A. Sự phát triển nhanh chóng của phong trào công nhân.
- B. Giai cấp công nhân còn đấu tranh tự phát.
- C. Các cuộc đấu tranh của công nhân còn rời rạc.
- D. Chưa có tổ chức lãnh đạo theo đường lối đúng đắn.

Câu 6. Năm 1864, Quốc tế thứ nhất được thành lập tại nước nào?

- A. Anh.
- B. Pháp.
- C. Đức.
- D. Liên Xô.

Câu 7. Năm 1889, Quốc tế thứ hai được thành lập ở nước nào?

- A. Pháp.
- B. Anh.
- C. Liên Xô.
- D. Đức.

Thông hiểu (06 câu)

Câu 1. Đây là mục tiêu khởi nghĩa của công nhân Pa-ri vào tháng 6 – 1848?

- A. Đòi tăng lương, giảm giờ làm, thực hiện cải cách dân chủ.
- B. Yêu cầu bình đẳng trong xã hội.
- C. Đòi ngày làm việc 8 giờ.
- D. Yêu cầu nghỉ ngày chủ nhật có trả lương.

Câu 2. “*Họ dựng chiến lũy trên đường phố, anh dũng chống lại sự đàn áp của chính quyền tư sản trong bốn ngày liên tiếp, từ ngày 22 đến ngày 25 – 6*”.

Nội dung trên phản ánh cuộc đấu tranh của công nhân ở đâu?

- A. Công nhân Pa-ri.
- B. Công nhân Bỉ.
- C. Công nhân Đức.
- D. Công nhân Anh.

Câu 3. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản kết thúc bằng lời kêu gọi: “... *tất cả các nước, đoàn kết lại*”.

Nội dung còn thiếu trong dấu ba chấm ở câu trên đề cập đến giai cấp nào?

- A. Vô sản.
- B. Tư sản.
- C. Công nhân.
- D. Nhân dân.

Câu 4. Đây là vai trò của Quốc tế thứ nhất?

- A. Truyền bá học thuyết Mác, thúc đẩy sự phát triển của phong trào công nhân quốc tế.
- B. Truyền bá tư tưởng của Lê-nin.
- C. Thúc đẩy sự phát triển của phong trào nông dân thế giới.
- D. Thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.

Câu 5. Năm 1842, diễn ra sự kiện gì gắn với cuộc đời và hoạt động của C. Mác?

- A. Là Tổng biên tập Báo sông Ranh.
- B. Bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.
- C. Công bố Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.
- D. Tình bạn vĩ đại và cảm động với Ph.Ăng-ghe-n.

Câu 6. Năm 1842, diễn ra sự kiện gì gắn với cuộc đời và hoạt động của Ph. Ăng-ghe-n?

- A. Biên soạn tác phẩm *Tình cảnh giai cấp công nhân Anh*.
- B. Liên hệ với tổ chức Đồng minh những người chính nghĩa ở châu Âu.
- C. Soạn thảo Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản.
- D. Tham gia tích cực với Quốc tế thứ hai.

Vận dụng (05 câu)

Câu 1. Người lãnh đạo cao nhất của Quốc tế thứ nhất là ai?

- A. C. Mác.
- B. Lê-nin.
- C. Ph. Ăng-ghe-n.

D. Xta-lin.

Câu 2. Sứ mệnh lịch sử của Quốc tế thứ hai là gì?

- A. Thúc đẩy sự thành lập của các chính đảng vô sản ở các nước trên toàn thế giới.
- B. Thúc đẩy việc thành lập các tổ chức đảng ở Liên Xô.
- C. Thay thế Quốc tế thứ nhất.
- D. Lãnh đạo nhóm Giải phóng lao động Nga.

Câu 3. Tại Đại hội nào, Quốc tế thứ hai quyết định lấy ngày 1 – 5 hằng năm làm ngày biểu dương lực lượng và đấu tranh chung của vô sản các nước?

- A. Đại hội lần thứ nhất.
- B. Đại hội lần thứ hai.
- C. Đại hội lần thứ ba.
- D. Đại hội lần thứ tư.

Câu 4. Nội dung nào **không đúng** khi nói về cuộc đời và hoạt động của C.Mác?

- A. Sinh ra trong gia đình chủ xưởng tại Đức.
- B. Đỗ Tiến sĩ Triết học năm 23 tuổi.
- C. Bị nhiều nước châu Âu trục xuất.
- D. Chỉ ra con đường đấu tranh để xây dựng xã hội công bằng.

Câu 5. Nội dung nào **sai** khi nói về lãnh tụ Ph.Ăng-ghe-n?

- A. Sinh ra trong gia đình trí thức tại Đức.
- B. Là nhà lí luận chính trị thế kỉ XIX.
- C. Biên soạn tác phẩm Tình cảnh giai cấp công nhân Anh.
- D. Là một triết gia và nhà khoa học thế kỉ XIX.

Bài 12. Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918) (Số câu: 10 câu)

Nhận biết (04 câu)

Câu 1. Từ cuối thế kỉ XIX, nguyên nhân nào dẫn đến sự hình thành hai khối quân sự đối đầu nhau ở châu Âu?

- A. Mâu thuẫn trong tranh giành thuộc địa.
- B. Mâu thuẫn tranh giành thuộc phiện.
- C. Tranh giành quyền lợi về kinh tế.
- D. Tranh giành quyền lợi về chính trị.

Câu 2. Hai khối quân sự được hình thành ở châu Âu từ cuối thế kỉ XIX là khối

- A. Đức, Áo - Hung, I-ta-li-a và Anh, Pháp, Nga.
- B. Đức, Anh, I-ta-li-a và Áo - Hung, Pháp, Nga.
- C. I-ta-li-a, Áo - Hung, Anh và Pháp, Nga, Đức.
- D. Anh, Áo - Hung, Pháp và I-ta-li-a, Nga, Đức

Câu 3. Cả hai khối quân sự tham gia vào Chiến tranh thế giới thứ nhất đều có hành động gì giống nhau?

- A. Chạy đua vũ trang đe dọa lẫn nhau, tìm cơ gây chiến.
- B. Chuẩn bị một cuộc chiến tranh với qui mô lớn.
- C. Chuẩn bị lực lượng để gây chiến tranh.
- D. Xây dựng nhiều căn cứ quân sự để tấn công lẫn nhau.

Câu 4. Tình hình trên bán đảo Ban-căng trở nên phức tạp khi nào?

- A. Sau khi đế quốc Áo-Hung thôn tính Bô-xni-a và Héc-xê-gô-vi-na.
- B. Sau khi Đức xâm chiếm Bỉ, tuyên chiến với Anh.
- C. Sau khi Nga tấn công I-ta-li-a. Tuyên chiến với Đức.
- D. Sau khi đế quốc Áo - Hung tuyên chiến với Xéc-bi.

Thông hiểu (03 câu)

Câu 1. Sự kiện nào đã châm ngòi làm bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ nhất?

- A. Thái tử của Áo bị nhóm dân tộc chủ nghĩa Xéc-bi ám sát.

- B. Chủ nghĩa dân tộc nổi lên ở Xéc-bi trở thành “thùng thuốc nổ”.
- C. Khi Áo - Hung thôn tính đảo Ban-căng.
- D. Khi Áo - Hung thôn tính Bô-xni-a.

Câu 2. Tình hình châu Âu bước ra khỏi cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất như thế nào?

- A. Nền kinh tế kiệt quệ, nhiều nước trở thành con nợ của Mỹ.
- B. Nền kinh tế vẫn phát triển nhưng phụ thuộc vào Mỹ.
- C. Các nước châu Âu trở thành con nợ của Mỹ.
- D. Chính trị ổn định, giai cấp tư sản đẩy lùi được phong trào công nhân.

Câu 3. Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, nhiều nước châu Âu trở thành con nợ của

- A. Mỹ.
- B. Nhật Bản.
- C. Nga.
- D. Trung Quốc.

Vận dụng (03 câu)

Câu 1. *Trải qua 4 năm chiến tranh, ... đã phải gánh chịu những tổn thất nặng nề, khoảng 10 triệu binh lính bị chết, 20 triệu bị thương, nhiều thành phố, làng mạc, đường sá, nhà máy bị phá hủy.*

Cụm từ được sử dụng cho dấu ... trong câu trên là

- A. nhân loại.
- B. khối Hiệp ước.
- C. khối Liên minh.
- D. các nước tham chiến.

Câu 2. Trong giai đoạn hai của Chiến tranh thế giới thứ nhất, điều gì đã làm thay đổi cục diện chính trị thế giới?

- A. Cách mạng tháng Mười Nga thành công.
- B. Chủ nghĩa xã hội chiếm ưu thế.
- C. Phe tư bản bị diệt vong.
- D. Hệ thống xã hội chủ nghĩa hình thành trên thế giới.

Câu 3. Đâu **không phải** là bài học rút ra từ Chiến tranh thế giới thứ nhất để góp phần giữ gìn hòa bình thế giới hiện nay?

- A. Dùng vũ lực để giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp.
- B. Giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp bằng biện pháp hòa bình.
- C. Cần có một tổ chức quốc tế để duy trì hòa bình, an ninh thế giới.
- D. Lên án, phản đối các hành động dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực.

Bài 13. Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 (Số câu: 11 câu)

Nhận biết (04 câu)

Câu 1. Nguyên nhân nào người dân vùng dậy lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế của Nga hoàng?

- A. Mong muốn chiến tranh sớm kết thúc và cuộc sống được cải thiện.
- B. Chế độ quân chủ chuyên chế của Nga hoàng tàn bạo, tham lam.
- C. Đất nước chia cắt, loạn ly.
- D. Cuộc sống của nhân dân nghèo đói.

Câu 2. Hai chính quyền nào tồn tại song song ở Nga sau Cách mạng tháng Hai?

- A. Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản và Xô viết của đại biểu công nhân và binh lính.
- B. Chính phủ lâm thời của giai cấp vô sản và Xô viết của đại biểu nông dân và hòa bình.
- C. Chính phủ lâm thời của Xô viết và đại biểu công nhân và hòa bình.
- D. Chính phủ lâm thời của giai cấp công nhân và Xô viết hòa bình.

Câu 3. Sau Cách mạng tháng Hai, những vấn đề nào của nhân dân Nga vẫn không được đáp ứng?

- A. Vấn đề “hòa bình, ruộng đất, bánh mì, tự do”.
- B. Vấn đề ruộng đất của nông dân.

C. Vấn đề bình đẳng trong xã hội.

D. Vấn đề tự do, dân chủ.

Câu 4. Lê-nin và đảng Bôn-sê-vích quyết định khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong hoàn cảnh nào?

A. Sau khi Chính phủ lâm thời xả súng đàn áp các cuộc biểu tình vào tháng 7 - 1917.

B. Khi lực lượng của Chính phủ lâm thời lâm vào tình thế bị động.

C. Khi tình thế cách mạng chín muồi.

D. Khi lực lượng quân khởi nghĩa chiếm ưu thế.

Thông hiểu (04 câu)

Câu 1. Sự kiện nào đánh dấu thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga?

A. Quân cách mạng chiếm được Cung điện Mùa Đông.

B. Khởi nghĩa thắng lợi ở Mát-xcơ-va.

C. Đại hội Xô viết toàn Nga được lần hai khai mạc.

D. Năm 1918, cách mạng thắng lợi trên nước Nga.

Câu 2. Chính quyền Xô viết được thành lập ở đâu?

A. Pê-tơ-rô-grát.

B. Mát-xcơ-va.

C. Lê-nin-grát

D. Xanh-pê-téc-bua.

Câu 3. “Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và ... như thế”

Cụm từ được sử dụng cho dấu ... trong câu trên là

A. sâu xa.

B. sâu sắc.

C. trọng đại.

D. quan trọng.

Câu 4. Nội dung nào nói về Nga hoàng Ni-cô-lai II?

A. Trị vì thiếu quyết đoán trong điều hành đất nước.

B. Đưa nước Nga ra khỏi cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.

C. Lãnh đạo cuộc cách mạng tháng Hai.

D. Cùng gia đình lưu vong ở nước ngoài.

Vận dụng (03 câu)

Câu 1. Đầu không phải là mục tiêu hướng tới của Chế độ xã hội chủ nghĩa được thiết lập ở nước Nga?

A. củng cố quyền lợi và địa vị của giai cấp tư sản.

B. Xóa bỏ chế độ người bóc lột người.

C. Xây dựng một xã hội tự do, hạnh phúc.

D. Xây dựng một xã hội công bằng cho mọi người lao động.

Câu 2. Ai là người đã phát triển, đưa học thuyết chủ nghĩa xã hội của C.Mác trở thành hiện thực ở nước Nga?

A. Lê-nin.

B. Xta-lin.

C. Ph.Ăng-ghe-n.

D. Gooc-ba-chốp.

Câu 3. Cách mạng tháng Mười Nga mở ra con đường giải phóng dân tộc là

A. con đường cách mạng vô sản.

B. con đường cách mạng tư sản.

C. con đường cải cách dân chủ.

D. con đường cách mạng dân chủ.

Bài 14. Sự phát triển của khoa học, kĩ thuật, văn học, nghệ thuật trong các thế kỉ XVIII – XIX (Số câu: 10 câu)

Nhận biết (04 câu)

- Câu 1.** Thiết bị lưu trữ âm thanh đầu tiên, dưới dạng ống do ai sáng chế?
 A. Ê-đi-xon.
 B. Ê-min Bơ-lin-nơ.
 C. A.G.Beo.
 D. Mác Kây.
- Câu 2.** Đến thế kỉ XIX, các lĩnh vực nào thuộc khoa học xã hội phát triển vượt bậc?
 A. Khảo cổ học, Nhân chủng học, Xã hội học.
 B. Khảo cổ học, Tâm lí học.
 C. Xã hội học, Thiên văn học.
 D. Nhân chủng học, Khoa học chính trị.
- Câu 3.** Phát minh lớn nhất về khoa học xã hội là học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học của ai?
 A. C. Mác và Ph. Ăng-ghen.
 B. C. Mác và Lê-nin.
 C. Ph. Ăng-ghen và Lê-nin.
 D. Lê-nin và Gooc-ba-chốp.
- Câu 4.** Các thành tựu khoa học, kĩ thuật thế kỉ XVIII – XIX có tác động tích cực gì?
 A. Mang đến những hiểu biết sâu sắc về thế giới tự nhiên và xã hội loài người.
 B. Mang lại những thành tựu kì diệu về khoa học, kĩ thuật.
 C. Làm thay đổi nhận thức của con người trước vũ trụ bao la.
 D. Nâng cao năng suất lao động của con người.

Thông hiểu (03 câu)

- Câu 1.** Các thành tựu khoa học, kĩ thuật thế kỉ XVIII – XIX có tác động tiêu cực như thế nào?
 A. Khói bụi của công nghiệp tác động trực tiếp đến môi trường sống của con người.
 B. Nhiều người buộc phải di cư qua châu Âu, châu Á.
 C. Người nghèo trong xã hội giảm dần, tỉ lệ lao động chân tay giảm ở các đô thị.
 D. Lao động chân tay chiếm tỉ lệ cao hơn ở những vùng nông thôn.
- Câu 2.** Danh họa nào là người mở đầu cho trường phái Ấn tượng?
 A. C. Mô-nê.
 B. Ô-nê-rê Đô-mi-ê.
 C. Vích-to Huy-gô.
 D. Lép Tôn-xtôi.
- Câu 3.** Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học là phát minh của ai?
 A. Đ. I. Men-đê-lê-ép.
 B. Sác-lơ Đác-uyn.
 C. G. Men-đen.
 D. Ma-ri Quy-ri.

Vận dụng (03 câu)

- Câu 1.** Văn học nghệ thuật thế kỉ XVIII – XIX có tác động như thế nào?
 A. Phản ánh chân thực đời sống và khát vọng của con người trong thời đại công nghiệp.
 B. Tác động trực tiếp đến sự hình thành quan điểm tư tưởng của tầng lớp vô sản.
 C. Góp thêm tiếng nói bênh vực cho người giàu có.
 D. Phản ánh mặt trái của chủ nghĩa tư bản.
- Câu 2.** Tác phẩm nào được coi là một tài liệu lịch sử, phản ánh hiện thực lao động của phụ nữ vào thế kỉ XIX, tác động sâu sắc đến xã hội đương thời?
 A. Người nữ thợ giặt trong thời đại công nghiệp.

- B. Ấn tượng mặt trời mọc.
- C. Sắt và than đá.
- D. Bức tranh Mùa thu vàng.

Câu 3. Qua các thí nghiệm, I. Páp-lốp cho rằng: *hành vi của con người là sự phản ứng với các tác động từ bên ngoài và có thể thay đổi bằng cách huấn luyện.*

- Từ đó, ông đã phát hiện ra
- A. phản xạ có điều kiện.
 - B. Thuyết tiến hóa.
 - C. năng lượng phóng xạ.
 - D. các nghiên cứu về di truyền.

Bài 15. Trung Quốc (Số câu: 11 câu)

Nhận biết (05 câu)

Câu 1. Lây có triều đình nhà Thanh ngăn cấm buôn bán thuốc phiện, Anh đã làm gì?

- A. Gây chiến với Trung Quốc.
- B. Thương thuyết với nhà Thanh.
- C. Ngang nhiên buôn bán thuốc phiện.
- D. Cho tàu chở thuốc phiện về nước.

Câu 2. Cuối thế kỉ XIX, khu vực nào của Trung Quốc bị lệ thuộc vào Anh?

- A. Châu thổ sông Trường Giang.
- B. Vân Nam.
- C. Sơn Đông.
- D. Đông Bắc Trung Quốc.

Câu 3. Trung Quốc Đồng minh hội là tổ chức chính trị của giai cấp nào?

- A. Giai cấp tư sản.
- B. Giai cấp công nhân.
- C. Giai cấp nông dân.
- D. Giai cấp địa chủ.

Câu 4. Cách mạng Tân Hợi do tổ chức nào lãnh đạo?

- A. Trung Quốc Đồng minh hội.
- B. Nghĩa hòa đoàn.
- C. Đảng cộng sản.
- D. Quốc dân đảng.

Câu 5. Ai đề xướng tư tưởng Tam dân?

- A. Tôn Trung Sơn.
- B. Viên Thế Khải.
- C. Mao Trạch Đông.
- D. Đặng Tiểu Bình.

Thông hiểu (03 câu)

Câu 1. Người khai sinh ra Trung Hoa Dân quốc là

- A. Tôn Trung Sơn.
- B. Hồng Tú Toàn.
- C. Chu Vĩnh Khang.
- D. Lý Khắc Cường.

Câu 2. Nội dung nào ***không đúng*** về kết quả của Cách mạng Tân Hợi?

- A. Trung Quốc thoát khỏi lệ thuộc các nước phương Tây.
- B. Chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại hơn 2000 năm ở Trung Quốc.
- C. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- D. Có ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở một số nước châu Á.

Câu 3. Cách mạng Tân Hợi vẫn còn hạn chế gì?

- A. Vấn đề ruộng đất cho nông dân không được giải quyết.
- B. Trung Quốc không còn lệ thuộc vào các nước phương Tây.
- C. Tình trạng nội chiến vẫn tiếp diễn.
- D. Chưa lật đổ được chế độ quân chủ chuyên chế.

Vận dụng (03 câu)

Câu 1. Tại sao vào thế kỉ XIX, Trung Quốc trở thành đối tượng xâm lược của các nước đế quốc?

- A. Vì có tiềm năng về nguyên liệu thô và thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- B. Vì dân số đông nhất thế giới.
- C. Vì có nguồn lao động dồi dào.
- D. Vì là cửa ngõ giao thương của phương Tây và châu Á.

Câu 2. Theo Hiệp ước Nam Kinh (năm 1842), Trung Quốc phải nhượng cho nước Anh vùng đất nào?

- A. Vùng đất Hồng Công.
- B. Vùng đất Ma Cao.
- C. Vùng đất Đông Bắc Trung Quốc.
- D. Vùng đất Thiên Tân.

Câu 3. Nội dung nào của tư tưởng Tam dân vẫn còn giá trị đến xã hội hiện nay?

- A. Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc.
- B. Xây dựng Trung Hoa Dân quốc phát triển hùng mạnh.
- C. Đưa Trung Quốc theo con đường chủ nghĩa tư bản.
- D. Trung Quốc Đồng minh hội lãnh đạo nhân dân.

Bài 16. Nhật Bản (Số câu: 10 câu)

Nhận biết (04 câu)

Câu 1. Khi Nhật Bản bước vào thời đại canh tân đất nước, lịch sử gọi là gì?

- A. Cuộc Minh Trị Duy tân.
- B. Chế độ quân chủ chuyên chế.
- C. Chế độ quân chủ lập hiến.
- D. Chế độ Cộng hòa Tổng thống.

Câu 2. Sau khi quyền lực của Mạc phủ chấm dứt, quyền cai trị đất nước được trao lại cho ai?

- A. Thiên hoàng.
- B. Hoàng đế.
- C. Hoàng tử.
- D. Nhật hoàng.

Câu 3. Đây là nội dung được tăng cường trong chương trình giáo dục của cuộc Duy tân Minh Trị?

- A. Khoa học – kĩ thuật.
- B. Quan điểm về nho giáo.
- C. Giáo lý Thiên chúa giáo.
- D. Pháp luật.

Câu 4. Sau khi tiến hành duy tân đất nước và thành công, Nhật Bản trở thành nước

- A. tư bản công nghiệp.
- B. phong kiến nửa thuộc địa.
- C. thuộc địa nửa phong kiến.
- D. quân chủ chuyên chế.

Thông hiểu (03 câu)

Câu 1. Đây là một trong những biểu hiện của sự hình thành chủ nghĩa đế quốc ở Nhật Bản vào cuối thế kỉ XIX, đầu XX?

- A. Đẩy mạnh chính sách xâm lược và bành trướng.
- B. Đưa người sang học hỏi phương Tây.

- C. Công nghiệp hóa đất nước.
- D. Xóa bỏ chế độ nông nô.

Câu 2. Điều không phải là nội dung chính về chính trị của cuộc Duy tân Minh Trị?

- A. Phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa.
- B. Thành lập chính phủ theo mô hình của Đức sau thống nhất.
- C. Ban hành Hiến pháp.
- D. Lập Quốc hội.

Câu 3. Nội dung nào không đúng khi nói về quân sự của cuộc Duy tân Minh Trị?

- A. Tổ chức và huấn luyện quân đội theo kiểu phương Đông.
- B. Tổ chức và huấn luyện quân đội theo kiểu phương Tây.
- C. Thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự.
- D. Đóng tàu chiến, sản xuất vũ khí.

Vận dụng (03 câu)

Câu 1. Trong cuộc Duy tân Minh Trị, cải cách nào có ý nghĩa quan trọng nhất để Nhật Bản trở thành đế quốc hùng mạnh vào đầu thế kỉ XX?

- A. Cải cách trên lĩnh vực giáo dục.
- B. Cải cách trên lĩnh vực chính trị.
- C. Cải cách trên lĩnh vực kinh tế.
- D. Cải cách trên lĩnh vực quân sự.

Câu 2. “Ngày nay, mong muốn thiết tha của Chính phủ và nhân dân chúng tôi là phấn đấu đạt được những điểm cao nhất của nền văn minh mà các nước tiên tiến đang thụ hưởng...”

Câu nói trên của ai?

- A. Hoàng tử I-tô Hi-rô-bu-mi.
- B. Hoàng tử Hi-sa-hi-tô.
- C. Hoàng tử Hi-ta-chi.
- D. Nhật hoàng Na-ru-hi-tô.

Câu 3. Sau khi tìm hiểu về lịch sử Nhật Bản giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX, đâu là điều chúng ta cần phải học hỏi để phát triển đất nước hiện nay?

- A. Đầu tư phát triển giáo dục con người để nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.
- B. Đẩy mạnh chính sách xâm lược và bành trướng, gây chiến tranh với các nước trong khu vực và thế giới.
- C. Tăng cường bóc lột sức lao động của mọi tầng lớp nhân dân.
- D. Xây dựng các công ty độc quyền để chi phối đời sống kinh tế, chính trị.

Bài 17. Ấn Độ (Số câu: 10 câu)

Nhận biết (04 câu)

Câu 1. Thực dân Anh thực hiện các chính sách khai thác thuộc địa ở Ấn Độ với mục đích gì?

- A. Cung cấp nguồn nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp tại Anh.
- B. Biến Ấn Độ là vùng đất lệ thuộc vào người Anh.
- C. Biến Ấn Độ thành nguồn lao động dồi dào để phát triển kinh tế.
- D. Biến Ấn Độ là một quốc gia riêng biệt của Anh.

Câu 2. Chính sách phát triển kinh tế của Anh ở Ấn Độ đã dẫn đến tình trạng gì?

- A. Thiếu hụt lương thực.
- B. Sản xuất công nghiệp mất cân đối.
- C. Thiếu nguồn lao động.
- D. Hàng hóa dư thừa.

Câu 3. Tình hình Ấn Độ vào cuối thế kỉ XIX ra sao?

- A. Mất mùa nghiêm trọng, nạn đói và dịch bệnh liên tục xảy ra.
- B. Mùa màng bội thu, đời sống nhân dân được cải thiện.

C. Đời sống nhân dân được nâng cao hơn trước.

D. Kinh tế, xã hội ổn định hơn trước.

Câu 4. Ở Ấn Độ, từ năm 1875 – 1885 những cuộc đấu tranh của giai cấp nào liên tục diễn ra?

A. Công nhân và nông dân.

B. Công nhân và tư sản.

C. Nông dân và địa chủ.

D. Tư sản và tiểu tư sản.

Thông hiểu (03 câu)

Câu 1. Đảng Quốc dân Đại hội (Đảng Quốc đại) do giai cấp nào thành lập?

A. Giai cấp tư sản.

B. Giai cấp nông dân.

C. Giai cấp công nhân.

D. Giai cấp phong kiến.

Câu 2. Trong 20 năm đầu, Đảng Quốc đại chủ trương đấu tranh như thế nào?

A. Chủ trương đấu tranh ôn hòa.

B. Chủ trương khởi nghĩa vũ trang.

C. Vận động cải cách canh tân.

D. Đấu tranh chống đạo luật chia cắt.

Câu 3. Đây là cuộc đấu tranh điển hình của nhân dân Ấn Độ đầu thế kỉ XX?

A. Cuộc nổi dậy của công nhân Bom-bay.

B. Cuộc nổi dậy của nông dân ở Mum-bai.

C. Khởi nghĩa vũ trang ở Ham-pi.

D. Phong trào bãi công ở Đê-li.

Vận dụng (03 câu)

Câu 1. Đây không phải là nguyên nhân làm bùng lên làn sóng đấu tranh của nhân dân Ấn Độ chống thực dân Anh?

A. Cổ súy các hủ tục, tệ nạn.

B. Chính sách cai trị hà khắc.

C. Khơi sâu mâu thuẫn chủng tộc.

D. Khơi sâu mâu thuẫn đẳng cấp.

Câu 2. Thái độ của thực dân Anh đối với nhân dân Ấn Độ như thế nào?

A. Phân biệt chủng tộc.

B. Nhượng bộ người bản xứ.

C. Tạo điều kiện hòa hợp chủng tộc.

D. Thỏa hiệp để đạt được quyền lợi chính trị.

Câu 3. Nhận xét nào sau đây không đúng về phương pháp và mục tiêu đấu tranh của Đảng Quốc đại?

A. Vẫn phụ thuộc vào Anh để phát triển kinh tế dân tộc, tạo điều kiện để giai cấp tư sản trưởng thành.

B. Phương pháp và mục tiêu đấu tranh chưa thể hiện rõ thái độ triệt để trong đấu tranh chống thực dân Anh.

C. Có tác dụng nhất định trong việc nâng cao ý thức dân tộc của nhân dân Ấn Độ.

D. Phương pháp đấu tranh ôn hòa cũng phần nào phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của Ấn Độ.

Bài 18. Đông Nam Á (Số câu: 10 câu)

Nhận biết (04 câu)

Câu 1. Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, thực dân phương Tây đã

A. phân chia xong thuộc địa ở khu vực Đông Nam Á.

B. cơ bản hoàn thành việc vơ vét, bóc lột nhân dân Đông Nam Á.

C. hoàn thành đàn áp, khủng bố các phong trào đấu tranh.

D. đẩy mạnh chính sách khai thác bóc lột thuộc địa đối với Đông Nam Á.

Câu 2. Cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á diễn ra ở những nước nào?

- A. In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Việt Nam, Cam-pu-chia.
- B. In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin, Thái Lan, Lào.
- C. Mi-an-ma, Việt Nam, Ma-lai-xi-a, Cam-pu-chia.
- D. Việt Nam, Thái Lan, Bru-nây, Cam-pu-chia.

Câu 3. Năm 1873 – 1903 ở In-đô-nê-xi-a có sự kiện gì?

- A. Chiến tranh giành độc lập của nhân dân Hồi quốc A-chê.
- B. Đấu tranh giành chính quyền của nhân dân đảo Bang-ka.
- C. Nhân dân đảo Gia-va giành độc lập.
- D. Nhân dân đảo Ba-li giành được chính quyền.

Câu 4. Ở Việt Nam, những năm 1885 – 1896, nổ ra phong trào đấu tranh nào chống Pháp?

- A. Phong trào Cần vương.
- B. Khởi nghĩa Thái Nguyên.
- C. Khởi nghĩa Yên Thế.
- D. Khởi nghĩa Yên Bái.

Thông hiểu (03 câu)

Câu 1. Đầu thế kỉ XX, phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á còn có sự tham gia của tầng lớp nào?

- A. Tầng lớp trí thức và công nhân.
- B. Tầng lớp nông dân.
- C. Tầng lớp tư sản.
- D. Tầng lớp tiểu tư sản.

Câu 2. Hô-xê Ri-xan đòi quyền bình đẳng cho người Phi-líp-pin trong cuộc đấu tranh với chính quyền nào?

- A. Tây Ban Nha.
- B. Bồ Đào Nha.
- C. Lát-vi-a.
- D. Lít-va.

Câu 3. Ai đại diện cho xu hướng ôn hòa trong phong trào giải phóng dân tộc ở Phi-líp-pin?

- A. Hô-xê Ri-xan.
- B. La-nu-za.
- C. Za-mô-ra.
- D. Rô-sa-ri-ô.

Vận dụng (03 câu)

Câu 1. Phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á đầu thế kỉ XX có điểm gì nổi bật?

- A. Tiếp tục lan rộng dưới nhiều hình thức, có sự tham gia của nhiều tầng lớp xã hội.
- B. Các phong trào chống thực dân ở các nước đã có sự đoàn kết và bùng lên dữ dội.
- C. Ở nhiều nước phong trào tạm thời lắng xuống, rút vào hoạt động bí mật.
- D. Thực dân phương Tây thẳng tay đàn áp làm các phong trào tạm lắng xuống.

Câu 2. Điểm đặc biệt trong phong trào đấu tranh ở In-đô-nê-xi-a đầu thế kỉ XX là

- A. chủ nghĩa Mác được truyền bá trong phong trào công nhân.
- B. Hiệp hội công nhân đường sắt được thành lập.
- C. tầng lớp tư sản dân tộc ra đời và vươn lên nắm quyền lãnh đạo.
- D. công nhân và nông dân đoàn kết chặt chẽ đấu tranh vì mục tiêu chung.

Câu 3. Đầu là nhận xét **không đúng** về phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX?

A. Các cuộc đấu tranh chống thực dân phương Tây của nhân dân Đông Nam Á chưa có mục đích rõ ràng.

B. Các cuộc đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á diễn ra sôi nổi, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

C. Mặc dù diễn ra quyết liệt nhưng do nhiều nguyên nhân, các cuộc đấu tranh vẫn chưa đi đến thắng lợi cuối cùng.

D. Thể hiện lòng yêu nước, ý chí bất khuất chống ngoại xâm. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho các phong trào yêu nước sau này.

Bài 19. Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX (Số câu 15)

a) Nhận biết (06 câu)

Câu 1. Người thành lập nhà Nguyễn là

A. Nguyễn Phúc Ánh.

B. Nguyễn Phúc Đảm.

C. Nguyễn Phúc Miên Tông.

D. Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy.

Câu 2. Năm 1804, vua Gia Long đổi tên nước ta thành

A. Việt Nam.

B. Đại Việt.

C. Đại Ngu.

D. Đại Nam.

Câu 3. Thời Gia Long, ban hành bộ luật là

A. Hoàng Việt luật lệ.

B. Luật Hình thư.

C. Luật Hồng Đức.

D. Quốc triều Hình luật.

Câu 4. Từ năm 1833 đến năm 1835, nổ ra cuộc khởi nghĩa của

A. Lê Văn Khôi.

B. Phan Bá Vành.

C. Cao Bá Quát.

D. Lê Duy Mật.

Câu 5. Nhà Nguyễn hạn chế hoạt động đối với

A. Thiên Chúa giáo.

B. Phật giáo.

C. Hồi giáo.

D. Đạo giáo.

Câu 6. Người biên soạn tác phẩm Lịch triều hiến chương loại chí là

A. Phan Huy Chú.

B. Trịnh Hoài Đức.

C. Phan Huy Ích.

D. Nguyễn Du.

b) Thông hiểu (05 câu)

Câu 1. Thể chế nhà nước của nhà Nguyễn thuộc thể chế nhà nước nào dưới đây?

A. Quân chủ chuyên chế.

B. Quân chủ lập hiến.

C. Trung lập.

D. Quân chủ đại nghị.

Câu 2. Vua Gia Long đã chia đất nước thành

A. ba vùng: Bắc thành, Gia Định thành và bảy trấn bốn doanh.

- B. hai miền: miền Bắc và miền Nam.
- C. ba miền: miền Bắc, miền Trung và miền Nam.
- D. ba trấn: Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.

Câu 3. Vị vua Nguyễn đã quyết định chia đất nước thành các đơn vị hành chính tỉnh là

- A. Minh Mạng.
- B. Gia Long.
- C. Thiệu Trị.
- D. Tự Đức.

Câu 4. Chính sách nông nghiệp thời Nguyễn là chính sách

- A. doanh điền.
- B. hạn điền.
- C. lộc điền.
- D. ngụ binh ư nông.

Câu 5. Nhà Nguyễn xem tôn giáo nào dưới đây là vị trí độc tôn?

- A. Nho giáo.
- B. Không giáo.
- C. Phật giáo.
- D. Thiên chúa giáo.

c) Vận dụng (04 câu)

Câu 1. Xã hội Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX có các giai cấp cơ bản là

- A. địa chủ và nông dân.
- B. nông dân và thợ thủ công.
- C. công nhân và nông dân.
- D. công nhân và thợ thủ công.

Câu 2. Điểm nổi bật của chế độ phong kiến Việt Nam giữa thế kỉ XIX là

- A. có những biểu hiện khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.
- B. chế độ quân chủ chuyên chế đang được hình thành.
- C. đạt được những tiến bộ nhất định về kinh tế, văn hóa.
- D. chế độ quân chủ chuyên chế đang trong thời kì thịnh trị.

Câu 3. Đến thế kỉ XIX, ở nước ta đã xuất hiện nghề thủ công mới là

- A. In tranh dân gian.
- B. Làm tranh sơn mài.
- C. Làm đường trắng.
- D. Khai mỏ.

Câu 4. Chính sách nào trong nông nghiệp đạt hiệu cao nhất của nhà Nguyễn

- A. Doanh điền.
- B. Khản hoang.
- C. Đào nhiều sông và kênh rạch ở phía Nam.
- D. Cho phép đất khai hoang thành đất tư.

Bài 20. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam (1858 – 1884)

(Số câu 20)

a) Nhận biết (08 câu)

Câu 1. Chiều 31-8-1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha kéo quân tới dàn trận trước cửa biển nào dưới đây?

- A. Cửa biển Đà Nẵng.
- B. Cửa biển Hội An.
- C. Cửa biển Lăng Cô.
- D. Cửa biển Thuận An.

- Câu 2.** Lực lượng nào dưới đây tham gia cuộc đấu tranh chống Pháp ở Đà Nẵng vào tháng 9-1858?
- A. Nhân dân cùng với quân đội triều đình.
 - B. Quân chủ lực của triều đình Huế.
 - C. Lực lượng nông dân và công nhân thành phố Đà Nẵng.
 - D. Đông đảo nhân dân thành phố Đà Nẵng.
- Câu 3.** Người đứng lên khởi nghĩa chống Pháp, lập căn cứ ở Gò Công là
- A. Trương Định.
 - B. Nguyễn Trung Trực.
 - C. Nguyễn Hữu Huân.
 - D. Võ Duy Dương.
- Câu 4.** Trong trận Cầu Giấy (Hà Nội) lần thứ nhất (12-1873), tên tướng Pháp nào dưới đây đã tử trận?
- A. Gác-ni-ê.
 - B. Ri-vi-e.
 - C. Hác-măng.
 - D. Đuy-puy.
- Câu 5.** Người lãnh đạo quan quân triều đình chống lại cuộc tấn công thành Hà Nội lần thứ hai (1882) của quân Pháp là
- A. Hoàng Diệu.
 - B. Nguyễn Tri Phương.
 - C. Lưu Vĩnh Phúc.
 - D. Hoàng Tá Viêm.
- Câu 6.** Pháp đã lợi dụng việc làm nào dưới đây để lấy cớ xâm lược Việt Nam?
- A. Nhà Nguyễn cấm truyền bá đạo Thiên Chúa.
 - B. Nhà Nguyễn cấm trao đổi hàng hóa với nước ngoài.
 - C. Nhà Nguyễn cấm Pháp đầu tư kinh doanh tại Việt Nam.
 - D. Nhà Nguyễn cấm buôn bán vũ khí với nước ngoài.
- Câu 7.** Năm 1867, ở Nam Kỳ, thực dân Pháp đã chiếm ba tỉnh nào dưới đây?
- A. Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.
 - B. Vĩnh Long, Đồng Nai, Biên Hòa.
 - C. An Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng.
 - D. Tiền Giang, Long An, Hà Tiên.
- Câu 8.** Theo Hiệp ước Nhâm Tuất, nhà Nguyễn thừa nhận cho Pháp chiếm các tỉnh
- A. Gia Định, Định Tường và Biên Hòa.
 - B. Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên.
 - C. Đồng Nai, Biên Hòa và Gia Định.
 - D. Vĩnh Long, Đồng Nai và Biên Hòa.

b) Thông hiểu (06 câu)

- Câu 1.** Người đã phát cao ngọn cờ “Bình Tây Đại nguyên soái” trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược cuối thế kỉ XIX là
- A. Trương Định.
 - B. Hoàng Diệu.
 - C. Nguyễn Tri Phương.
 - D. Phan Thanh Giản.
- Câu 2.** Nhiều người đã dùng thơ văn để chiến đấu chống giặc là
- A. Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị.
 - B. Nguyễn Đình Chiểu, Trương Quyền.
 - C. Nguyễn Đình Chiểu, Phan Liêm.
 - D. Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Trung Trực.

Câu 3. Trận đánh nào dưới đây gây được tiếng vang lớn nhất ở Bắc Kỳ năm 1873?

- A. Trận phục kích tại Cầu Giấy (Hà Nội).
- B. Trận bao vây quân địch trong thành Hà Nội.
- C. Trận chiến đấu ở cửa ô Quan Chưởng (Hà Nội).
- D. Trận phục kích tại cầu Hàm Rồng (Thanh Hóa).

Câu 4. Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất (1873) đã khiến thực dân Pháp phải

- A. hoang mang lo sợ và tìm cách thương lượng.
- B. tăng nhanh viện binh ra Bắc Kỳ.
- C. bàn kế hoạch mở rộng chiến tranh xâm lược ra Bắc Kỳ.
- D. ráo riết đẩy mạnh thực hiện âm mưu xâm lược toàn bộ Việt Nam.

Câu 5. Sau chiến thắng của quân dân ta tại trận Cầu Giấy lần thứ nhất (1873), triều đình nhà Nguyễn đã

- A. Kí Hiệp ước Giáp Tuất (1874) với thực dân Pháp.
- B. Lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống Pháp.
- C. Cử Tổng đốc Hoàng Diệu tiếp tục chỉ huy cuộc kháng chiến.
- D. Tiến hành cải cách duy tân đất nước.

Câu 6. Sau khi chiếm sáu tỉnh Nam Kỳ Việt Nam, thực dân Pháp đã

- A. thiết lập bộ máy cai trị, chuẩn bị kế hoạch đánh Bắc Kỳ.
- B. tìm cách kêu gọi nhà Nguyễn thỏa hiệp với Pháp
- C. triển khai củng cố lực lượng cho các chiến dịch sau.
- D. tiếp tục mở rộng việc đánh phá Bắc Kỳ.

c) Vận dụng (06 câu)

Câu 1. Thiệt hại nghiêm trọng nhất của Việt Nam khi kí Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) với Pháp là

- A. thừa nhận Pháp cai quản ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ và đảo Côn Lôn.
- B. bồi thường 4 triệu đô la cho thực dân Pháp.
- C. triều đình phải mở ba cửa biển cho thương nhân Pháp vào buôn bán.
- D. mất thành Vĩnh Long nếu nhân dân còn đấu tranh.

Câu 2. Việc nhân dân chống lại lệnh giải tán nghĩa binh chống Pháp của triều Nguyễn chứng tỏ

- A. sự đối lập giữa nhân dân và triều đình trong cuộc kháng chiến chống Pháp.
- B. nhân dân chán ghét triều đình nhà Nguyễn.
- C. nhân dân muốn tách khỏi triều đình để tự do kháng chiến chống Pháp.
- D. tư tưởng trung quân ái quốc không còn tồn tại.

Câu 3. Thái độ của triều đình nhà Nguyễn và nhân dân trong kháng chiến chống Pháp thể hiện như thế nào dưới đây?

- A. Triều đình do dự không dám đánh Pháp, nhân dân kiên quyết chống Pháp.
- B. Triều đình và nhân dân đồng lòng kháng chiến chống Pháp.
- C. Triều đình không dám đánh Pháp, nhân dân chống Pháp không kiên quyết.
- D. Triều đình kiên quyết đánh Pháp, nhân dân hoang mang.

Câu 4. Đặc điểm nổi bật của phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta ở các tỉnh miền Tây Nam Kỳ là

- A. có sự kết hợp giữa chống ngoại xâm với chống phong kiến.
- B. đã lôi cuốn nhiều hoàng thân triều Nguyễn tham gia.
- C. sử dụng hình thức đấu tranh phong phú.
- D. do nông dân khởi xướng và lãnh đạo.

Câu 5. Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai đã chứng tỏ

- A. lòng yêu nước và quyết tâm bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.
- B. tinh thần đoàn kết giữa triều đình và nhân dân trong kháng chiến.
- C. lối đánh giặc tài tình của nhân dân ta.

D. sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ của quân và dân ta.

Câu 6. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu sự đầu hàng hoàn toàn của triều đình nhà Nguyễn trước sự xâm lược của thực dân Pháp?

- A. Triều đình kí Hiệp ước Patenôt (1884).
- B. Quân Pháp tấn công và chiếm được Thuận An.
- C. Thành Hà Nội thất thủ lần thứ nhất (1873).
- D. Thành Hà Nội thất thủ lần thứ hai (1882).

Bài 21. Phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam trong những năm cuối thế kỉ XIX (Số câu 10)

a) Nhận biết (04 câu)

Câu 1. Người đứng đầu phái chủ chiến chủ trương chống Pháp trong triều đình Huế là

- A. Tôn Thất Thuyết.
- B. Phan Thanh Giản.
- C. Vua Hàm Nghi.
- D. Nguyễn Văn Tường.

Câu 2. Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 – 1892), do ai lãnh đạo?

- A. Nguyễn Thiện Thuật.
- B. Đinh Công Tráng.
- C. Phan Đình Phùng.
- D. Hoàng Hoa Thám.

Câu 3. Cuộc khởi nghĩa Ba Đình (1886 – 1887) đặt dưới sự lãnh đạo của

- A. Phạm Bành, Đinh Công Tráng.
- B. Nguyễn Thiện Thuật, Đinh Gia Quế.
- C. Tống Duy Tân, Trần Xuân Soạn.
- D. Phạm Bành, Cầm Bá Thước.

Câu 4. Cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885 – 1896) đặt dưới sự lãnh đạo của

- A. Phan Đình Phùng và Cao Thắng.
- B. Tống Duy Tân và Cao Thắng.
- C. Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám.
- D. Cao Điền và Tống Duy Tân.

b) Thông hiểu (03 câu)

Câu 1. Nội dung chủ yếu của dụ Cần vương là

- A. kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước vì vua mà đứng lên kháng chiến.
- B. kêu gọi nhân dân đứng lên kháng chiến dưới sự chỉ đạo của triều đình.
- C. kêu gọi tiến hành cải cách về chính trị, xã hội.
- D. tố cáo tội ác xâm lược của thực dân Pháp.

Câu 2. Nông dân Yên Thế đứng lên chống Pháp nhằm

- A. chống lại chính sách cướp bóc, bình định của thực dân Pháp, bảo vệ cuộc sống.
- B. hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.
- C. phản ứng trước hành động đầu hàng thực dân Pháp của triều đình.
- D. chống lại công cuộc đánh chiếm Bắc Kỳ của thực dân Pháp.

Câu 3. Các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần Vương cuối thế kỉ XIX đều thất bại là do

- A. nỏ ra lẻ tẻ, thiếu liên kết và mang tính chất địa phương.
- B. triều đình phong kiến đầu hàng thực dân Pháp.
- C. không có sự đoàn kết của nhân dân.
- D. thiếu sự chuẩn bị về lực lượng và tổ chức.

c) Vận dụng (03 câu)

Câu 1. Đánh giá nào sau đây là đúng khi nói về phong trào Cần vương?

- A. Là phong trào yêu nước theo khuynh hướng và ý thức hệ phong kiến.
- B. Là phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
- C. Là phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản.
- D. Là phong trào yêu nước của tầng lớp nông dân.

Câu 2. Khởi nghĩa Yên Thế có điểm gì khác biệt dưới đây so với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần vương?

- A. Là phong trào nông dân chống Pháp, không thuộc phạm trù phong trào Cần vương.
- B. Hướng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.
- C. Chống thực dân Pháp, chống triều đình, giành chính quyền về tay nhân dân.
- D. Là phản ứng của nhân dân trước hành động đầu hàng thực dân Pháp của triều đình.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây **không** phải là nguyên nhân dẫn tới thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Thế?

- A. Cuộc khởi nghĩa thu hút quá nhiều các nhà yêu nước.
- B. Bó hẹp trong một địa phương, dễ bị cô lập.
- C. So sánh lực lượng quá chênh lệch, thực dân Pháp và phong kiến cấu kết đàn áp.
- D. Chưa có sự lãnh đạo của giai cấp tiên tiến.

Bài 22. Trào lưu cải cách ở Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX (Số câu 11)

a) Nhận biết (04 câu)

Câu 1. Trong những người dưới đây, ai là người đã mạnh dạn dâng lên triều đình những bản điều trần, bày tỏ ý kiến cải cách duy tân?

- A. Nguyễn Trường Tộ.
- B. Nguyễn Tri Phương.
- C. Tôn Thất Thuyết.
- D. Hoàng Diệu.

Câu 2. Năm 1868, Trần Đình Túc và Nguyễn Huy Tế xin mở cửa biển nào dưới đây để thông thương?

- A. Cửa biển Trà Lý (Nam Định).
- B. Cửa biển Hải Phòng.
- C. Cửa biển Thuận An (Huế).
- D. Cửa biển Đà Nẵng.

Câu 3. Từ năm 1863 đến 1871, số bản điều trần Nguyễn Trường Tộ gửi lên triều đình là

- A. Gần 60 bản.
- B. Gần 30 bản.
- C. Gần 40 bản.
- D. Gần 50 bản.

Câu 4. Vào năm 1877 và 1882, Nguyễn Lộ Trạch đã dâng lên vua Tự Đức bản điều trần có tên là

- A. Thời vụ sách.
- B. Bình Ngô sách.
- C. Dương vụ.
- D. Canh tân.

b) Thông hiểu (03 câu)

Câu 1. Vào những năm 60 của thế kỉ XIX, trong khi thực dân Pháp ráo riết mở rộng chiến tranh xâm lược, triều đình Huế đã thực hiện chính sách gì dưới đây?

- A. Chính sách nội trị, ngoại giao lồi thò, lạc hậu.
- B. Cải cách duy tân đổi mới đất nước.
- C. Chính sách ngoại giao mở cửa.
- D. Cải cách kinh tế, xã hội, phát triển đất nước.

Câu 2. Nguyễn Lộ Trạch dâng vua Tự Đức 2 bản “Thời vụ sách” đề nghị cải cách vấn đề gì dưới đây?

- A. Chấn hưng dân khí, khai thông dân trí, bảo vệ đất nước.

- B. Đẩy mạnh khai khẩn ruộng hoang và khai thác mỏ.
- C. Phát triển buôn bán, chấn chỉnh quốc phòng.
- D. Chấn chỉnh bộ máy quan lại, cải tổ giáo dục.

Câu 3. Lực lượng chính tham gia trào lưu cải cách, duy tân ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX là

- A. quan lại, sĩ phu tiến bộ.
- B. thợ thủ công
- C. binh dân thành thị.
- D. nông dân.

c) Vận dụng (04 câu)

Câu 1. Lý do cơ bản nào dưới đây khiến các đề nghị cải cách không hiện thực được?

- A. Đề nghị thiếu hệ thống và nửa vời.
- B. Chưa hợp thời thế.
- C. Rập khuôn hoặc mô phỏng nước ngoài.
- D. Điều kiện nước ta có những điểm khác biệt.

Câu 2. Các đề nghị cải cách muốn đổi mới các mặt nào dưới đây?

- A. Đổi mới tất cả các mặt.
- B. Đổi mới công việc nội trị.
- C. Đổi mới nền kinh tế văn hóa.
- D. Đổi mới chính sách đối ngoại.

Câu 3. Trước tình hình khó khăn của đất nước những năm cuối thế kỉ XIX, một yêu cầu đặt ra đó là

- A. cải cách, duy tân đất nước.
- B. mở cuộc xâm lược ra bên ngoài.
- C. đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân.
- D. thực hiện chính sách đóng cửa để tránh sự xâm nhập từ bên ngoài.

Câu 4. Các tư tưởng cải cách canh tân đất nước cuối thế kỉ XIX đã có ý nghĩa quan trọng trong việc

- A. chuẩn bị cho sự ra đời của phong trào Duy tân ở Việt Nam vào đầu thế kỉ XX.
- B. hình thành của con đường cứu nước theo khuynh hướng vô sản ở Việt Nam.
- C. thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của Việt Nam theo con đường tư bản chủ nghĩa.
- D. đưa xã hội Việt Nam thoát khỏi sự bế tắc của chế độ thuộc địa nửa phong kiến.

Bài 23. Việt Nam đầu thế kỉ XX (Số câu 16).

a) Nhận biết (05 câu)

Câu 1. Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất trong lĩnh vực nông nghiệp, thực dân Pháp đã áp dụng chính sách gì dưới đây?

- A. Cướp đoạt ruộng đất.
- B. Nhổ lúa trồng cây công nghiệp.
- C. Thu tô nặng.
- D. Lập đồn điền.

Câu 2. Trong công nghiệp, trước hết Pháp tập trung khai thác vào ngành

- A. khai thác than và kim loại.
- B. sản xuất xi – măng và gạch ngói.
- C. chế biến gỗ và xay xát gạo.
- D. khai thác điện, nước.

Câu 3. Mục đích của Hội Duy Tân là

- A. lập ra một nước Việt Nam độc lập.
- B. bạo động vũ trang chống Pháp.
- C. nâng cao dân trí.
- D. nâng cao dân trí, dân quyền.

Câu 4. Tổ chức phong trào Đông Du là

- A. Phan Bội Châu.
- B. Phan Châu Trinh.
- C. Nguyễn Quyền.
- D. Lương Văn Can.

Câu 5. Phan Bội Châu chủ trương giải phóng dân tộc bằng con đường nào dưới đây?

- A. Bạo lực để giành độc lập dân tộc.
- B. Cải cách kinh tế, xã hội.
- C. Duy tân để phát triển đất nước.
- D. Đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang.

Câu 6. Trước cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam có hai giai cấp là

- A. địa chủ phong kiến và nông dân.
- B. địa chủ phong kiến và tư sản.
- C. địa chủ phong kiến và tiểu tư sản.
- D. công nhân và nông dân.

b) Thông hiểu (04 câu)

Câu 1. Giai cấp, tầng lớp nào dưới đây ở Việt Nam ngày càng gánh chịu nhiều thứ thuế và khổ cực trăm bề?

- A. Giai cấp nông dân.
- B. Tầng lớp tiểu tư sản.
- C. Giai cấp công nhân làm thuê.
- D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 2. Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã tác động đến giai cấp nông dân Việt Nam là

- A. nông dân bị phá sản, họ bị bán cùng hóa, không lối thoát.
- B. nông dân bị tước đoạt ruộng đất, cơ cực trăm bề.
- C. nông dân đều lâm vào hoàn cảnh nghèo khổ, không lối thoát.
- D. nông dân bị bán cùng hóa, không lối thoát.

Câu 3. Cùng với sự phát triển đô thị, các giai cấp tầng lớp mới đã xuất hiện là

- A. tư sản, tiểu tư sản, công nhân.
- B. những người buôn bán, chủ doanh nghiệp.
- C. những nhà thầu khoán, đại lý.
- D. chủ xí nghiệp, chủ hàng buôn bán.

Câu 4. Phan Bội Châu và các đồng chí của ông chủ trương thành lập Hội Duy tân nhằm mục đích gì dưới đây?

- A. Đánh đuổi giặc Pháp, giành độc lập, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến ở Việt Nam
- B. Duy tân làm cho đất nước cường thịnh để giành độc lập
- C. Đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ phong kiến, hành lập chính thể cộng hòa
- D. Đánh đổ ngôi vua, phát triển đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa

Câu 5. Cuộc vận động Duy tân (1906 – 1908) đã dẫn tới sự xuất hiện của phong trào nào dưới đây?

- A. Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ (1908).
- B. Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân.
- C. Phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.
- D. Phong trào Đông Kinh nghĩa thực (1907).

c) Vận dụng (04 câu)

Câu 1. Hệ quả lớn nhất trong chính sách cai trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất là

- A. cơ cấu kinh tế ít nhiều có sự biến chuyển, cơ cấu xã hội biến đổi sâu sắc.

- B. nền kinh tế phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa, xã hội ít biến đổi.
 C. công thương nghiệp phát triển, nông nghiệp lạc hậu, xã hội không có biến đổi.
 D. cơ cấu kinh tế không có sự thay đổi, cơ cấu xã hội biến đổi sâu sắc.
- Câu 2.** Chính sách khai thác bóc lột của thực dân Pháp đã làm kinh tế Việt Nam
- A. vẫn là nền sản xuất nhỏ, lạc hậu, phụ thuộc.
 B. tài nguyên thiên nhiên bị bóc lột cùng kiệt.
 C. dậm chân tại chỗ, không phát triển.
 D. phát triển nhỏ giọt, không đồng bộ.
- Câu 3.** Mục đích của Pháp trong việc mở rộng trường học để
- A. đào tạo người bản xứ phục vụ cho Pháp.
 B. phát triển nền giáo dục Việt Nam.
 C. khai minh nền văn hóa giáo dục Việt Nam.
 D. đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao.
- Câu 4.** Điểm nào dưới đây là điểm giống nhau của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh trong quá trình hoạt động cách mạng của mình?
- A. Đều noi gương Nhật Bản để tự cường.
 B. Đều dùng bạo lực cách mạng để đánh đuổi thực dân Pháp.
 C. Đều chủ trương thực hiện cải cách dân chủ.
 D. Đều chủ trương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc.
- Câu 5.** Lý do nào dưới đây tác động đến Nguyễn Ái Quốc không đi theo con đường cứu nước mà Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và các bậc tiền bối yêu nước đầu thế kỉ XX đã chọn?
- A. Nguyễn Ái Quốc nhìn thấy sự bế tắc của con đường đó.
 B. Con đường của họ là con đường cách mạng tư sản.
 C. Con đường cứu nước của họ là con đường của chế độ phong kiến.
 D. Con đường của họ không có nước nào áp dụng.